

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

Số: *1872*/TTr-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Bình, ngày 10 tháng 10 năm 2024

TỜ TRÌNH

**Về việc đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng
sang mục đích khác để thực hiện các công trình, dự án
trên địa bàn tỉnh Quảng Bình**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại các Báo cáo kết quả thẩm định nội dung trình quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện các công trình, dự án: Xây dựng Quảng trường biển, thị xã Ba Đồn (số 2332/BC-SNN ngày 26/8/2024); Đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đá vôi làm nguyên liệu xi măng phía Bắc Lèn Đút Chân, xã Văn Hóa, huyện Tuyên Hóa (số 2366/BC-SNN ngày 28/8/2024); Khai thác mỏ đá cát kết làm vật liệu xây dựng thông thường và đất làm vật liệu san lấp tại xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh (số 2367/BC-SNN ngày 28/8/2024); Đường từ bản Đùi Đo đến cột Mốc 561, xã Trường Sơn, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình (số 2372/BC-SNN ngày 29/8/2024); Khu du lịch nghỉ dưỡng và phục hồi chức năng suối nước nóng Bang - giai đoạn 1 (số 2426/BC-SNN ngày 05/9/2024); Hoàn thiện hạ tầng Cụm công nghiệp Thuận Đức, thành phố Đồng Hới (Báo cáo số 2798/BC-SNN ngày 09/10/2024); Doanh trại Đoàn bộ và các đội sản xuất, Đoàn KTQP 92, Quân khu 4 (Báo cáo số 2777/BC-SNN ngày 08/10/2024); Xây dựng đường dây 110kV, thuộc dự án Thủy điện La Trọng (Báo cáo số 2675/BC-SNN ngày 27/9/2024); Khu đô thị mới Lý Nhân, huyện Bố Trạch (Báo cáo số 2753/BC-SNN ngày 04/10/2024); Trang trại trồng tre lục trúc lấy măng (Báo cáo số 2799/BC-SNN ngày 09/10/2024);

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Quảng Bình để thực hiện 10 công trình, dự án (gọi tắt là Dự án). Trong đó, có 02 dự án đầu tư công, 02 dự án đầu tư từ nguồn vốn quốc phòng, 06 dự án đầu tư của các doanh nghiệp; tổng diện tích rừng đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác (CMĐSDR) là 89,65855 ha, gồm:

10,71185 ha rừng phòng hộ, 19,28153 ha rừng sản xuất và 59,66517 ha rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng; phân theo nguồn gốc hình thành: có 48,6222 ha rừng tự nhiên và 41,03635 ha rừng trồng. Cụ thể như sau:

1. Dự án xây dựng Quảng trường biển, thị xã Ba Đồn:

- Địa phương đề nghị CMĐSDR: Ủy ban nhân dân thị xã Ba Đồn
- Diện tích thực hiện dự án 4,66571 ha; diện tích có rừng đề nghị quyết định chủ trương CMĐSDR 3,11617 ha rừng trồng, gồm: 0,00638 ha rừng phòng hộ và 3,10979 ha rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng có nguồn gốc rừng phòng hộ.
- Vị trí: Tại khoảnh 1 - Tiểu khu 201A, phường Quảng Thọ, thị xã Ba Đồn.

(Chi tiết có Phụ lục 01 đính kèm).

2. Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đá vôi làm nguyên liệu xi măng phía Bắc Lèn Đút Chân, xã Văn Hóa, huyện Tuyên Hóa:

- Đơn vị đề nghị CMĐSDR: Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng Việt Nam.
- Diện tích thực hiện dự án 49,9 ha; diện tích có rừng đề nghị quyết định chủ trương CMĐSDR 29,92865 ha rừng tự nhiên, gồm: 0,10692 ha rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng có nguồn gốc rừng sản xuất và 29,82173 ha rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng.

- Vị trí: Tại khoảnh 1 - Tiểu khu 198, xã Văn Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình.

(Chi tiết có Phụ lục 02 đính kèm).

3. Dự án khai thác mỏ đá cát kết làm vật liệu xây dựng thông thường và đất làm vật liệu san lấp tại xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh:

- Đơn vị đề nghị CMĐSDR: Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân.
- Diện tích thực hiện dự án 8,44975 ha; diện tích đề nghị quyết định chủ trương chuyển MĐSDR 8,44975 ha rừng trồng, ngoài quy hoạch 3 loại rừng có nguồn gốc rừng sản xuất.

- Vị trí: Tại khoảnh 1 - NTK (Ngoài giải thửa tiểu khu), xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

(Chi tiết có Phụ lục 03 đính kèm).

4. Dự án đường từ bản Đều Đo đến cột Mốc 561, xã Trường Sơn, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình:

- Đơn vị đề nghị CMĐSDR: Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Quảng Bình.

- Diện tích thực hiện dự án 20,96551 ha; diện tích đề nghị quyết định chủ trương CMĐSDR 18,69355 ha rừng tự nhiên, gồm: 10,48677 ha rừng phòng hộ và 8,20678 ha rừng sản xuất. ✓

- Vị trí: Tại các khoảnh 3, 6, 9 - Tiểu khu 383; các khoảnh 6, 7 - Tiểu khu 554; các khoảnh 1, 2, 3, 4, 6, 7 - Tiểu khu 565, xã Trường Sơn, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

(Chi tiết có Phụ lục 04 đính kèm).

5. Dự án khu du lịch nghỉ dưỡng và phục hồi chức năng suối nước nóng Bang (Giai đoạn 1):

- Đơn vị đề nghị CMĐSDR: Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thịnh.
- Diện tích dự án (đợt 2) 11,9114 ha; diện tích đề nghị quyết định chủ trương CMĐSDR 6,27278 ha rừng trồng, gồm: 5,75063 ha rừng sản xuất và 0,52215 ha rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng có nguồn gốc rừng sản xuất.
- Vị trí: Tại khoảnh 2 - Tiểu khu 489, xã Kim Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

(Chi tiết có Phụ lục 05 đính kèm).

6. Dự án Hoàn thiện hạ tầng Cụm công nghiệp Thuận Đức, thành phố Đồng Hới:

- Đơn vị đề nghị CMĐSDR: Sở Công Thương tỉnh Quảng Bình.
- Diện tích thực hiện dự án 0,20996 ha; diện tích có rừng đề nghị quyết định chủ trương CMĐSDR 0,20996 ha rừng trồng (rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng có nguồn gốc rừng sản xuất).
- Vị trí: Tại khoảnh 1 - NTK1, xã Thuận Đức, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

(Chi tiết có Phụ lục 06 đính kèm).

7. Dự án Doanh trại Đoàn bộ và các đội sản xuất, Đoàn Kinh tế quốc phòng 92, Quân khu 4:

- Đơn vị đề nghị CMĐSDR: Quân khu 4.
- Diện tích thực hiện dự án 21,7605 ha; diện tích có rừng đề nghị quyết định chủ trương CMĐSDR 12,776 ha rừng trồng, gồm: 0,2187 ha rừng phòng hộ; 0,2894 ha rừng sản xuất; 0,5673 ha rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng có nguồn gốc rừng phòng hộ; 11,7006 ha ngoài quy hoạch 3 loại rừng có nguồn gốc rừng sản xuất.
- Vị trí: Tại 09 khoảnh, thuộc 05 tiểu khu trên địa giới hành chính các xã Dân Hóa, Hóa Sơn, Thượng Hóa, Trọng Hóa, huyện Minh Hóa; xã Thanh Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình.

(Chi tiết có Phụ lục 07 đính kèm).

8. Công trình Xây dựng đường dây 110kV, thuộc dự án Thủy điện La Trộng:

- Đơn vị đề nghị CMĐSDR: Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Thịnh. ✓

- Diện tích thực hiện dự án 1,04025 ha; diện tích có rừng đề nghị quyết định chủ trương CMĐSDR 0,77727 ha rừng trồng, gồm: 0,45414 rừng sản xuất; 0,32313 ha rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng có nguồn gốc rừng sản xuất.

- Vị trí: Tại 28 khoảnh, thuộc 16 tiểu khu, trên địa giới hành chính các xã Hồng Hóa, Hóa Phúc, Hóa Thanh, Hóa Tiến, Trọng Hóa, huyện Minh Hóa; xã Lê Hóa và thị trấn Đồng Lê, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình.

(Chi tiết có Phụ lục 08 đính kèm).

9. Dự án Khu đô thị mới Lý Nhân, huyện Bố Trạch:

- Đơn vị đề nghị CMĐSDR: Công ty TNHH Tập đoàn Vĩnh Hưng.

- Diện tích thực hiện dự án 38,46561 ha; diện tích có rừng đề nghị quyết định chủ trương CMĐSDR 5,11495 ha rừng trồng, gồm: 0,33757 rừng sản xuất; 4,77738 ha rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng có nguồn gốc rừng sản xuất.

- Vị trí: Tại khoảnh 1 - Tiểu khu 242A, xã Đại Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

(Chi tiết có Phụ lục 09 đính kèm).

10. Dự án Trang trại trồng tre lục trúc lấy măng:

- Đơn vị đề nghị CMĐSDR: Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Xây dựng Đức Thành.

- Diện tích thực hiện dự án 25,8909 ha; diện tích rừng đề nghị quyết định chủ trương CMĐSDR 4,31947 ha rừng trồng, gồm: 4,24301 ha rừng sản xuất; 0,07646 ha rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng có nguồn gốc rừng sản xuất.

- Vị trí: Tại khoảnh 1 - Tiểu khu 261B, xã Lý Trạch; khoảnh 2 - Tiểu khu 261A, xã Nam Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

(Chi tiết có Phụ lục 10 đính kèm).

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế Ngân sách-HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các Ban, Tổ đại biểu và Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: NNPTNT, TNMT, GTVT, KHĐT, Xây dựng, Du lịch, Tài chính,
- CA tỉnh, BCHQS tỉnh, BCHBĐBP tỉnh;
- UBND các huyện, TP, TX: Lệ Thủy, Quảng Ninh, Bố Trạch, Tuyên Hóa, Đồng Hới, Ba Đồn;
- VPUBND tỉnh;
- BQL RPH Quảng Ninh;
- Lưu: VT, CVNN. ✓

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Đoàn Ngọc Lâm

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐỀ NGHỊ QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG
CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG SANG MỤC ĐÍCH KHÁC**
(Kèm theo Tờ trình số 1872 /TT-UBND ngày 10 / 10/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình)

TT	Tên công trình/ dự án	Cơ quan/đơn vị đề nghị CMBSDR	Tổng diện tích thực hiện (ha)	Diện tích rừng đề nghị UBND tỉnh quyết định chủ trương CMBSDR (ha)	Loại rừng (ha)					Nguồn gốc hình thành rừng	Diện tích chưa có rừng (ha)	Diện tích rừng không đề nghị CMBSDR và diện tích rừng không thuộc đối trương CMBSDR (ha)	Địa điểm
					Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	Rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng có nguồn gốc rừng phòng hộ	Rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng có nguồn gốc rừng sản xuất	Rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng				
1	Dự án xây dựng trường biển, TX Ba Đồn	UBND thị xã Ba Đồn	4,66571	3,11617	0,00638		3,10979			Rừng trồng	1,54954		Phường Quảng Thọ, TX Ba Đồn
2	Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đá vôi làm nguyên liệu xi măng phía Bắc Lèn Đút Chân, xã Văn Hóa, H.Tuyên Hóa	Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng Việt Nam	49,9	29,92865				0,10692	29,82173	Rừng tự nhiên	19,97135		Xã Văn Hóa, huyện Tuyên Hóa
3	Dự án khai thác mỏ đá cát kết làm vật liệu xây dựng thông thường và đất làm vật liệu san lấp tại xã Vạn Ninh, H.Quảng Ninh.	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	8,44975	8,44975				8,44975		Rừng trồng			Xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh
4	Dự án đường từ bản Dịu Do đến cột Mốc 561, xã Trường Sơn, H.Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Quảng Bình	20,96551	18,69355	10,48677	8,20678				Rừng tự nhiên	2,27196		Xã Trường Sơn, huyện Quảng Ninh

1

TT	Tên công trình/ dự án	Cơ quan/đơn vị đề nghị CMĐSDR	Tổng diện tích thực hiện (ha)	Diện tích rừng đề nghị HĐND tỉnh quyết định chủ trương CMĐSDR (ha)	Loại rừng (ha)					Nguồn gốc hình thành rừng	Diện tích chưa có rừng (ha)	Diện tích rừng không đề nghị CMĐSDR và diện tích rừng không thuộc đối tượng CMĐSDR (ha)	Địa điểm
					Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	Rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng có nguồn gốc rừng phòng hộ	Rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng có nguồn gốc rừng rừng sản xuất	Rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng				
5	Dự án khu du lịch nghỉ dưỡng và phục hồi chức năng suối nước nóng Bang (Giai đoạn I)	Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thịnh	11,91140	6,27278		5,75063		0,52215		Rừng trồng	5,63862		Xã Kim Thủy, huyện Lệ Thủy
6	Hoàn thiện hạ tầng Cụm công nghiệp Thuận Đức, thành phố Đồng Hới	Sở Công thương	0,20996	0,20996				0,20996		Rừng trồng			Xã Thuận Đức, thành phố Đồng Hới
7	Doanh trại Đoàn bộ và các đội sản xuất, Đoàn KTQP 92, Quần khu 4	Quần khu 4	21,76050	12,77600	0,21870	0,28940	0,56730	11,70060		Rừng trồng		8,98450	Xã Dân Hóa, Hóa Sơn, Thượng Hóa, Trọng Hóa, huyện Minh Hóa và xã Thanh Hóa, H. Tuyên Hóa
8	Xây dựng đường dây 110kV, thuộc dự án Thủy điện La Trộng	Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thịnh	1,04025	0,77727		0,45414		0,32313		Rừng trồng	0,03173	0,23125	Xã Hồng Hóa, Hóa Phúc, Hóa Thanh, Hóa Tiến, Trọng Hóa, huyện Minh Hóa; xã Lê Hóa, TT. Đồng Lê, H. Tuyên Hóa

TT	Tên công trình/ dự án	Cơ quan/đơn vị đề nghị CMBSDR	Tổng diện tích thực hiện (ha)	Diện tích rừng để ngập HBND tính quyết định chủ tương CMBSDR (ha)	Loại rừng (ha)			Nguồn gốc hình thành rừng	Diện tích chưa có rừng (ha)	Diện tích rừng không để ngập CMBSDR và diện tích rừng không thuộc đối tượng CMBSDR (ha)	Địa điểm		
					Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	Rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng có nguồn gốc rừng phòng hộ					Rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng có nguồn gốc rừng sản xuất	Rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng
9	Khu đô thị mới Lý Nhân, huyện Bồ Trách	Công ty TNHH Tập đoàn Vĩnh Hưng	38,46561	5,11495		0,33757		4,77738		Rừng trồng	1,61210	31,73856	Xã Đại Trách, huyện Bồ Trách
10	Trang trại trồng tre lục trúc lấy măng	Công ty cổ phần Dầu tư Thương mại Xây dựng Đức Thành	25,89090	4,31947		4,24301		0,07646		Rừng trồng	21,57143		Xã Lý Trách, Nam Trách, huyện Bồ Trách.
	Tổng		183,25959	89,65855	10,71185	19,28153	3,67709	26,16635	29,82173		31,07530	62,52574	

Phụ lục 01

Nội dung trình quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án Xây dựng quảng trường biển, thị xã Ba Đồn
(Kèm theo Tờ trình số **1872** /TTr-UBND ngày **10** /~~09~~ /2024 của UBND tỉnh)

1. Thông tin chung về dự án

- Tên dự án: Xây dựng Quảng trường biển, thị xã Ba Đồn.
- Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án: Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình.
- Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân thị xã Ba Đồn.
- Đại diện chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã Ba Đồn.
- Nguồn vốn đầu tư: Vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.
- Địa điểm dự án: Phường Quảng Thọ, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.
- Quy mô đầu tư: Đầu tư xây dựng các hạng mục: San nền, đường giao thông, cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước thải, cấp điện và chiếu sáng.
- Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2023 - 2025.

2. Sự cần thiết đầu tư dự án

Phường Quảng Thọ thuộc phía Đông thị xã Ba Đồn, giáp Biển Đông có nhiều tiềm năng và lợi thế trong việc phát triển các ngành thương mại, dịch vụ, du lịch, nhất là du lịch biển.

Hiện nay, hệ thống hạ tầng giao thông ra biển đã được đầu tư xây dựng hoàn thành, tuyến đường ven biển đi qua các huyện, thị xã trên địa bàn tỉnh đang được xây dựng kết nối với các khu du lịch nghỉ dưỡng, các khu dịch vụ thương mại ven biển đang được triển khai thi công, cũng như được sự quan tâm rất lớn của các nhà đầu tư trong và ngoài tỉnh. Để quảng bá hình ảnh thị xã Ba Đồn, phục vụ du khách trong và ngoài nước có địa điểm tham quan, vui chơi giải trí, việc đầu tư xây dựng Quảng trường biển thị xã Ba Đồn là cần thiết, nhằm tạo không gian đô thị kết nối cộng đồng, vui chơi giải trí ngoài trời, phục vụ tổ chức các sự kiện lễ hội lớn của thị xã, tạo cảnh quan đô thị ven biển và thu hút dịch vụ du lịch, kinh tế biển.

3. Diện tích và vị trí khu rừng đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác

- Vị trí: Tại 13 lô (gồm 04 lô có rừng và 09 lô chưa có rừng và đất khác) thuộc khoảnh 1 - Tiểu khu 201A, phường Quảng Thọ, thị xã Ba Đồn.
- Diện tích dự án là 4,66571 ha. Trong đó:
 - + Diện tích có rừng đề nghị quyết định chủ trương CMĐSDR: 3,11617 ha.
 - + Diện tích chưa có rừng và đất khác: 1,54954 ha.
- Nguồn gốc hình thành: Rừng trồng loài cây Phi lao. ✓

- Loại rừng: Rừng phòng hộ: 0,00638 ha; rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng có nguồn gốc rừng phòng hộ: 3,10979 ha.

4. Về đáp ứng nguyên tắc, căn cứ CMĐSDR theo quy định tại Điều 14, Điều 15 Luật Lâm nghiệp

4.1. Về nguyên tắc CMĐSDR theo quy định tại Điều 14 Luật Lâm nghiệp

a) Sự phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp quốc gia hoặc quy hoạch tỉnh hoặc quy hoạch sử dụng đất cấp huyện theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 248 Luật Đất đai:

- Phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp quốc gia hoặc quy hoạch tỉnh: Dự án phù hợp Quy hoạch tỉnh Quảng Bình thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 12/4/2023 (Quy hoạch tỉnh Quảng Bình); cụ thể:

+ Chỉ tiêu sử dụng đất thực hiện dự án Xây dựng Quảng trường biển, thị xã Ba Đồn thuộc đất xây dựng cơ sở văn hóa tại mục 2.8 phần I Phụ lục XVII và đã được thể hiện trên bản đồ phương án quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 - Tỉnh Quảng Bình đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 377/QĐ-TTg nêu trên.

+ Đối chiếu theo Bản đồ phương án quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 - Tỉnh Quảng Bình được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 377/QĐ-TTg và Bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thị xã Ba Đồn đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 387/QĐ-UBND ngày 28/02/2023, vị trí, diện tích khu đất thực hiện dự án có hiện trạng là đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ và được quy hoạch là đất xây dựng cơ sở văn hóa.

- Phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện: Quy hoạch sử dụng đất xây dựng cơ sở văn hóa đến năm 2030 trên địa bàn thị xã Ba Đồn đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 387/QĐ-UBND ngày 28/02/2023 về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thị xã Ba Đồn (mục 2.9 phần I Phụ lục 1), với diện tích là 30,45 ha. Trong đó, chỉ tiêu sử dụng đất xây dựng cơ sở văn hóa của Dự án đã được tích hợp trong Quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt; vị trí thực hiện dự án thuộc phạm vi khu đất quy hoạch đất xây dựng cơ sở văn hóa được thể hiện trên bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030.

b) Không chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 248 Luật Đất đai năm 2024:

Diện tích 3,11617 ha rừng đề nghị quyết định chủ trương CMĐSDR là rừng trồng, đảm bảo tuân thủ nguyên tắc không chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác.

c) Thống nhất, đồng bộ với chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại khoản 5 Điều 14 Luật Lâm nghiệp:

Dự án xây dựng Quảng trường biển, thị xã Ba Đồn đã được thông qua danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình tại Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh (khoản 1 mục II Phụ lục 3 Điều chỉnh Danh mục công trình, dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình), với diện tích 6,04 ha.

Kế hoạch sử dụng đất thực hiện dự án Xây dựng Quảng trường biển, thị xã Ba Đồn đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 395/QĐ-UBND ngày 21/02/2024 (mục 2.1.2.2.1 Phụ lục 5 Danh mục công trình, dự án thực hiện trong năm 2024 thị xã Ba Đồn), với diện tích 6,04 ha.

Hiện nay, Chủ đầu tư đang thực hiện các thủ tục trình cấp có thẩm quyền quyết định chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất để thực hiện dự án theo quy định của Luật Đất đai; đồng thời thực hiện các thủ tục về CMĐSDR để thực hiện dự án theo quy định của Luật Lâm nghiệp.

Như vậy, việc CMĐSDR 3,11617 ha đảm bảo nằm trong chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất; thống nhất, đồng bộ với chuyển mục đích sử dụng đất theo kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4.2. Về căn cứ CMĐSDR theo quy định tại Điều 15 Luật Lâm nghiệp

a) Về kế hoạch CMĐSDR của UBND cấp huyện được UBND cấp tỉnh phê duyệt hoặc kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Luật Lâm nghiệp (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 248 Luật Đất đai năm 2024):

Kế hoạch sử dụng đất của dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 395/QĐ-UBND ngày 21/02/2024 về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thị xã Ba Đồn (tại mục 2.1.2.2.1 Phụ lục 05 kèm Quyết định). Trong đó, chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất của Dự án là 6,04 ha; đảm bảo nhu cầu sử dụng đất thực tế của Dự án (4,66571 ha).

b) Về nhu cầu sử dụng rừng: Dự án đã được xác định rõ nhu cầu diện tích có rừng cần CMĐSDR trong phạm vi thực hiện dự án. Cụ thể nhu cầu CMĐSDR để thực hiện Dự án là 3,11617 ha rừng trồng/4,66571 ha đất thực hiện dự án.

5. Hồ sơ trình quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác

Hồ sơ trình quyết định chủ trương CMĐSDR để thực hiện dự án Xây dựng Quảng trường biển, thị xã Ba Đồn đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 21 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP, gồm:

- Văn bản đề nghị quyết định chủ trương CMĐSDR: Tờ trình số 133/TTr-UBND ngày 02/8/2024 của UBND thị xã Ba Đồn. /

- Bản sao các văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư dự án; văn bản phê duyệt dự án: Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công trung hạn (lần 2) giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn tỉnh quản lý; Quyết định số 2806/QĐ-UBND ngày 05/10/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án: Xây dựng Quảng trường biển thị xã Ba Đồn.

- Tài liệu về đánh giá tác động môi trường của Dự án: Bản sao Quyết định số 3631/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của UBND tỉnh phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Xây dựng Quảng trường biển thị xã Ba Đồn; kèm theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Báo cáo thuyết minh hiện trạng rừng và bản đồ hiện trạng rừng (tỷ lệ bản đồ 1/5.000) khu vực đề nghị CMĐSDR để thực hiện dự án Xây dựng Quảng trường biển, thị xã Ba Đồn.

- Văn bản cam kết thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế đối với diện tích đề nghị CMĐSDR: Công văn số 1672/UBND ngày 02/8/2024 của UBND thị xã Ba Đồn về việc cam kết thực hiện nghĩa vụ trồng rừng.

- Báo cáo số 2332/BC-SNN ngày 26/8/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về kết quả thẩm định nội dung trình quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án Xây dựng Quảng trường biển, thị xã Ba Đồn *(Có các hồ sơ, văn bản liên quan gửi kèm Báo cáo này)*.

Ủy ban nhân dân tỉnh đánh giá hồ sơ dự án đủ căn cứ, điều kiện để trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân tỉnh và pháp luật về nội dung trình nêu trên./.

Phụ lục 02

Nội dung trình phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đá vôi làm nguyên liệu xi măng phía Bắc Lèn Đút Chân, xã Văn Hóa, huyện Tuyên Hóa

(Kèm theo Tờ trình số 1872/TTr-UBND ngày 10/10/2024 của UBND tỉnh)

1. Thông tin chung về dự án

- Tên dự án: Đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đá vôi làm nguyên liệu xi măng phía Bắc Lèn Đút Chân, xã Văn Hóa, huyện Tuyên Hóa.
- Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình.
- Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng Việt Nam.
- Địa điểm dự án: Xã Văn Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình.
- Nguồn vốn: 100% vốn góp của nhà đầu tư.
- Quy mô đầu tư: Công suất thiết kế dự kiến: Năm thứ nhất là 2.190.000 tấn/năm; Năm thứ 2-3 là 2.408.000 tấn/năm; Năm thứ 4 trở đi: 2.625.000 tấn/năm. Sản phẩm cung cấp: Đá vôi làm nguyên liệu sản xuất xi măng cho dự án Nhà máy xi măng Quảng Phúc.
- Tiến độ thực hiện dự án: Khởi công dự án trong vòng 12 tháng kể từ ngày được chấp thuận chủ trương đầu tư. Hoàn thành, đi vào hoạt động dự án trong vòng 12 tháng kể từ ngày khởi công.

2. Sự cần thiết đầu tư dự án

Dự án đầu tư nhằm đáp ứng nguồn nguyên liệu đá vôi sản xuất xi măng cho dự án Nhà máy xi măng Quảng Phúc của Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng Việt Nam.

3. Diện tích và vị trí khu rừng đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác

- Vị trí: Tại 09 lô (04 lô có rừng và 05 lô chưa có rừng) thuộc khoảnh 1 - Tiểu khu 198, xã Văn Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình.
- Diện tích dự án: 49,9 ha. Trong đó:
 - + Diện tích có rừng đề nghị quyết định chủ trương CMĐSDR: 29,92865 ha.
 - + Diện tích chưa có rừng: 19,97135 ha.
- Nguồn gốc hình thành: Rừng tự nhiên.
- Loại rừng: Rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng có nguồn gốc rừng sản xuất: 0,10692 ha; rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng: 29,82173 ha.

4. Về đáp ứng nguyên tắc, căn cứ CMĐSDR theo quy định tại Điều 14, Điều 15 Luật Lâm nghiệp

4.1. Về nguyên tắc CMĐSDR theo quy định tại Điều 14 Luật Lâm nghiệp

- a) Sự phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp quốc gia hoặc quy hoạch tỉnh ✓

hoặc quy hoạch sử dụng đất cấp huyện theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 248 Luật Đất đai:

- Phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp quốc gia hoặc quy hoạch tỉnh: Dự án phù hợp với Quy hoạch tỉnh Quảng Bình thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 12/4/2023 (Quy hoạch tỉnh Quảng Bình); cụ thể:

+ Dự án phù hợp với phương án tổ chức hoạt động kinh tế xã hội (Công nghiệp) tại điểm b, khoản 3, mục III, Điều 1 Quyết định số 377 “- Vùng sản xuất vật liệu xây dựng trọng điểm của tỉnh (sản xuất khoáng phi kim loại khác) tại các huyện Tuyên Hoá (Tiền Hoá, Châu Hoá, Văn Hoá, Phong Hoá; CCN Tiền Hóa, CCN trung tâm Tuyên Hóa)....”.

+ Tại Báo cáo thuyết minh tổng hợp Quy hoạch tỉnh Quảng Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050: vị trí thực hiện dự án tại khu vực Lèn Đút Chân, xã Văn Hóa, huyện Tuyên Hóa đã được cập nhật trong nội dung Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên trên địa bàn tỉnh. Cụ thể về kết quả khoanh định các khu vực khoáng sản đưa vào bảo vệ, thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn 2050 tại tiểu mục 12.1.2.2 (trang 679), mục XII, Phần II của Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tỉnh Quảng Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 đã nêu: “Đá vôi Xi măng: Khoanh định 06 điểm mỏ tại huyện Lệ Thủy, huyện Minh Hóa và huyện Tuyên Hóa với diện tích 551,35 ha, tài nguyên dự báo khoảng 587,885 triệu tấn...”, có trong danh mục tọa độ, diện tích các mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng tại Phụ lục 12.1 kèm theo Báo cáo.

+ Đối chiếu theo Bản đồ phương án quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 - Tỉnh Quảng Bình được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 12/4/2023 và Bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Tuyên Hóa đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 380/QĐ-UBND ngày 27/02/2023, vị trí, diện tích khu đất thực hiện dự án có hiện trạng là đất núi đá, thuộc quy hoạch sử dụng đất cho hoạt động khoáng sản.

- Phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện: Quy hoạch sử dụng đất cho hoạt động khoáng sản đến năm 2030 trên địa bàn huyện Tuyên Hóa đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 380/QĐ-UBND ngày 27/02/2023 về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Tuyên Hóa (mục 2.7 phần I Phụ lục 1), với diện tích là 174,81 ha. Trong đó, chỉ tiêu sử dụng đất cho hoạt động khoáng sản của Dự án đã được tích hợp trong Quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt; vị trí thực hiện dự án thuộc phạm vi khu đất quy hoạch đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản được thể hiện trên bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030.

b) Nguyên tắc về chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác:

Tại khoản 2 Điều 14 Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 248 Luật Đất đai năm 2024 quy định: “*Không chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác, trừ các dự án sau đây: dự án quan trọng*

quốc gia; dự án phục vụ quốc phòng, an ninh; dự án cấp thiết khác theo tiêu chí do Chính phủ quy định”.

Dự án Đầu tư xây dựng dự án Khai thác mỏ đá vôi làm nguyên liệu xi măng phía Bắc Lèn Đút Chân, xã Văn Hóa, huyện Tuyên Hóa là dự án được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép thăm dò khoáng sản tại Giấy phép số 215/GP-BTNMT ngày 09/11/2020, diện tích 49,9 ha. Trong đó:

+ Diện tích khoảng 25,5 ha: Chưa khai thác và thuộc phạm vi khu vực đá vôi đã được Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia phê duyệt trữ lượng tại Quyết định số 1199/QĐ-HĐTLQG ngày 07/03/2022.

+ Diện tích khoảng 24,4 ha: Đất cho hoạt động khai thác khoáng sản, thuộc một phần khu đất (có diện tích là 69,51ha) đã được UBND tỉnh cho Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng Việt Nam thuê đất để khai thác đá vôi theo Giấy phép khai thác số 1992/GP-BTNMT ngày 15/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường đã cấp cho Công ty.

Đối chiếu theo tiêu chí xác định dự án được CMĐSDR tự nhiên do Chính phủ quy định tại điểm b, khoản 3 Điều 41a được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 91/2024/NĐ-CP, dự án Khai thác mỏ đá vôi làm nguyên liệu xi măng phía Bắc Lèn Đút Chân, xã Văn Hóa, huyện Tuyên Hóa phù hợp tiêu chí được chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên là: “... dự án thăm dò, khai thác khoáng sản được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép theo quy định của luật khoáng sản”.

c) Thống nhất, đồng bộ với chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại khoản 5 Điều 14 Luật Lâm nghiệp:

Kế hoạch sử dụng đất thực hiện dự án Đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đá vôi làm nguyên liệu xi măng phía Bắc Lèn Đút Chân, xã Văn Hóa, huyện Tuyên Hóa đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 31/01/2024 (tại mục 2.2.5.2 Phụ lục 5), với diện tích 49,92 ha.

Hiện nay, Chủ đầu tư đang thực hiện các thủ tục trình cấp có thẩm quyền quyết định chuyển mục đích sử dụng đất, cho thuê đất để thực hiện dự án theo quy định của Luật Đất đai; đồng thời thực hiện các thủ tục về CMĐSDR để thực hiện dự án theo quy định của Luật Lâm nghiệp.

Như vậy, việc CMĐSDR 29,92865 ha đảm bảo nằm trong chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất; thống nhất, đồng bộ với chuyển mục đích sử dụng đất theo kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4.2. Về căn cứ CMĐSDR theo quy định tại Điều 15 Luật Lâm nghiệp

a) Về kế hoạch CMĐSDR của UBND cấp huyện được UBND cấp tỉnh phê duyệt hoặc kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Luật Lâm nghiệp (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 248 Luật Đất đai năm 2024):

Kế hoạch sử dụng đất thực hiện dự án Đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đá vôi làm nguyên liệu xi măng phía Bắc Lèn Đút Chân, xã Văn Hóa, huyện Tuyên Hóa đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 238/QĐ-

UBND ngày 31/01/2024 (tại mục 2.2.5.2 Phụ lục 5), với diện tích 49,92 ha; đảm bảo nhu cầu sử dụng đất thực tế của Dự án (49,9 ha).

b) *Về nhu cầu sử dụng rừng*: Dự án đã xác định rõ nhu cầu diện tích có rừng cần CMĐSDR để thực hiện dự án. Cụ thể nhu cầu CMĐSDR để thực hiện Dự án là 29,92865 ha rừng tự nhiên trong 49,9 ha đất thực hiện dự án.

5. Hồ sơ trình quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác

Hồ sơ trình quyết định chủ trương CMĐSDR để thực hiện dự án Khai thác mỏ đá vôi làm nguyên liệu xi măng phía Bắc Lèn Đút Chân, xã Văn Hóa, huyện Tuyên Hóa đảm bảo quy định tại khoản 2 Điều 41 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 21 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP, gồm:

- Văn bản đề nghị quyết định chủ trương CMĐSDR: Tờ trình số 32/TTr-Cty ngày 01/8/2024 của Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng Việt Nam.

- Bản sao quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án: Quyết định số 441/QĐ-UBND ngày 27/02/2024 của UBND tỉnh quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư (Cấp lần đầu ngày 27/02/2024).

- Tài liệu về đánh giá tác động môi trường của dự án: Báo cáo đánh giá sơ bộ tác động môi trường của dự án, kèm Công văn số 1497/STNMT-QLMT ngày 02/6/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc ý kiến nhận xét Báo cáo đánh giá sơ bộ tác động môi trường đối với dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đá vôi làm nguyên liệu xi măng phía Bắc Lèn Đút Chân, xã Văn Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình; Bản chính Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

- Báo cáo thuyết minh, bản đồ hiện trạng rừng (tỷ lệ bản đồ 1/5.000), kết quả điều tra rừng khu vực đề nghị quyết định chủ trương CMĐSDR để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đá vôi làm nguyên liệu xi măng phía Bắc Lèn Đút Chân, xã Văn Hóa, huyện Tuyên Hóa.

- Văn bản cam kết thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế đối với diện tích đề nghị CMĐSDR: Công văn số 31/VLXDVN ngày 01/8/2024 của Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng Việt Nam.

- Báo cáo số 2366/BC-SNN ngày 28/8/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về kết quả thẩm định nội dung trình quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án Khai thác mỏ đá vôi làm nguyên liệu xi măng phía Bắc Lèn Đút Chân, xã Văn Hóa, huyện Tuyên Hóa (Có các hồ sơ, văn bản liên quan gửi kèm Báo cáo này).

Ủy ban nhân dân tỉnh đánh giá hồ sơ dự án đủ căn cứ, điều kiện để trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân tỉnh và pháp luật về nội dung trình nêu trên. /

Phụ lục 03

Nội dung trình phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án Khai thác mỏ đá cát kết làm vật liệu xây dựng thông thường và đất làm vật liệu san lấp tại xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh

(Kèm theo Tờ trình số 1872 /TTr-UBND ngày 10/04/2024 của UBND tỉnh)

1. Thông tin chung về dự án

- Tên dự án: Khai thác mỏ đá cát kết làm vật liệu xây dựng thông thường và đất làm vật liệu san lấp tại xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh.
- Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án: UBND tỉnh Quảng Bình.
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân.
- Địa điểm dự án: Xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.
- Nguồn vốn: Vốn của nhà đầu tư.
- Quy mô đầu tư: Công suất thiết kế: 50.000 m³/năm.
- Tiến độ thực hiện dự án: Hoàn thành đưa dự án vào hoạt động trong vòng 18 tháng kể từ ngày có Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư (Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư số 1084/QĐ-UBND ngày 02/5/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình).

2. Sự cần thiết đầu tư dự án

Với nhu cầu mở rộng cơ sở hạ tầng Nhà máy xi măng Vạn Ninh nhằm đáp ứng nhu cầu nguyên liệu xây dựng cho thị trường trên địa bàn huyện nói riêng và tỉnh Quảng Bình nói chung, việc đầu tư dự án Khai thác mỏ đá cát kết làm vật liệu xây dựng thông thường và đất làm vật liệu san lấp tại xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh là cần thiết.

3. Diện tích và vị trí khu rừng đề nghị chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác

- Vị trí: Tại 01 lô thuộc khoảnh 1 - NTK (Ngoài giải thửa tiêu khu), xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.
- Diện tích dự án: 8,44975 ha.
- Diện tích có rừng đề nghị quyết định chủ trương CMĐSDR: 8,44975 ha.
- Nguồn gốc hình thành: Rừng trồng, các loài cây Keo, Bạch đàn.
- Loại rừng: Rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng có nguồn gốc rừng sản xuất.

4. Về đáp ứng nguyên tắc, căn cứ CMĐSDR theo quy định tại Điều 14, Điều 15 Luật Lâm nghiệp

4.1. Về nguyên tắc CMĐSDR theo quy định tại Điều 14 Luật Lâm nghiệp

a) Sự phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp quốc gia hoặc quy hoạch tỉnh

hoặc quy hoạch sử dụng đất cấp huyện theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 248 Luật Đất đai:

- Phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp quốc gia hoặc quy hoạch tỉnh: Dự án phù hợp với Quy hoạch tỉnh Quảng Bình thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 12/4/2023 (Quy hoạch tỉnh Quảng Bình); cụ thể:

+ Vị trí thực hiện dự án thuộc khu đất quy hoạch cho hoạt động khoáng sản được thể hiện trên Bản đồ phương án quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 - Tỉnh Quảng Bình đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 377/QĐ-TTg.

+ Chỉ tiêu sử dụng đất thực hiện dự án Khai thác mỏ đá cát kết làm vật liệu xây dựng thông thường và đất làm vật liệu san lấp tại xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh thuộc đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản được cập nhật trong Quy hoạch tỉnh Quảng Bình, tại mục 2.4 phần I Phụ lục XVII ban hành kèm theo Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 12/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

- Phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện: Quy hoạch sử dụng đất cho hoạt động khoáng sản đến năm 2030 trên địa bàn huyện Quảng Ninh đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 381/QĐ-UBND ngày 27/02/2023 (mục 2.7 Phụ lục 1 của Quyết định) với diện tích là 231,27 ha. Trong đó, chỉ tiêu sử dụng đất cho hoạt động khoáng sản của Dự án Khai thác mỏ đá cát kết làm vật liệu xây dựng thông thường và đất làm vật liệu san lấp tại xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh đã được tích hợp trong Quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt; vị trí thực hiện dự án thuộc phạm vi khu đất quy hoạch đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản được thể hiện trên bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030.

b) Không chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 248 Luật Đất đai năm 2024:

Diện tích 8,44975 ha rừng đề nghị quyết định chủ trương CMĐSDR là rừng trồng, đảm bảo tuân thủ nguyên tắc không chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác.

c) Thống nhất, đồng bộ với chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại khoản 5 Điều 14 Luật Lâm nghiệp:

Kế hoạch sử dụng đất thực hiện dự án Khai thác mỏ đá cát kết làm vật liệu xây dựng thông thường và đất làm vật liệu san lấp tại xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 326/QĐ-UBND ngày 06/02/2024.

Hiện nay, Công ty đang thực hiện các thủ tục trình cấp có thẩm quyền quyết định chuyển mục đích sử dụng đất, cho thuê đất để thực hiện dự án theo quy định của Luật Đất đai; đồng thời thực hiện các thủ tục về CMĐSDR để thực hiện dự án theo quy định của Luật Lâm nghiệp. ✓

Như vậy, việc CMĐSDR 8,44975 ha đảm bảo chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất; thống nhất, đồng bộ với chuyển mục đích sử dụng đất theo kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4.2. Về căn cứ CMĐSDR theo quy định tại Điều 15 Luật Lâm nghiệp

a) Về kế hoạch CMĐSDR của UBND cấp huyện được UBND cấp tỉnh phê duyệt hoặc kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Luật Lâm nghiệp (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 248 Luật Đất đai năm 2024):

Kế hoạch sử dụng đất thực hiện dự án Khai thác mỏ đá cát kết làm vật liệu xây dựng thông thường và đất làm vật liệu san lấp tại xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 326/QĐ-UBND ngày 06/02/2024, với diện tích 8,45 ha (tại mục 2.2.8.6 Phụ lục 05); đảm bảo nhu cầu sử dụng đất thực tế của Dự án (8,44975 ha).

b) Về nhu cầu sử dụng rừng: Dự án đã được xác định nhu cầu diện tích rừng cần CMĐSDR để thực hiện dự án. Cụ thể, nhu cầu CMĐSDR để thực hiện dự án là 8,44975 ha rừng trồng trong 8,44975 ha đất thực hiện dự án.

5. Hồ sơ trình quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác

Hồ sơ trình quyết định chủ trương CMĐSDR để thực hiện dự án Khai thác mỏ đá cát kết làm vật liệu xây dựng thông thường và đất làm vật liệu san lấp tại xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh đảm bảo quy định tại khoản 2 Điều 41 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 21 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP, gồm:

- Văn bản đề nghị quyết định chủ trương CMĐSDR: Tờ trình số 849/XMHV-TTr ngày 02/8/2024 của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân.

- Bản sao các văn bản quyết định chủ trương đầu tư dự án: Quyết định chủ trương đầu tư số 2888/QĐ-UBND ngày 26/7/2019 của UBND tỉnh về việc thực hiện dự án Khai thác mỏ đá cát kết làm vật liệu xây dựng thông thường và đất làm vật liệu san lấp tại xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 1297/QĐ-UBND ngày 28/4/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Khai thác mỏ đá cát kết làm vật liệu xây dựng thông thường và đất làm vật liệu san lấp tại xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình; Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư số 1084/QĐ-UBND ngày 02/5/2024 của UBND tỉnh (Cấp lần đầu: Ngày 26 tháng 07 năm 2019); (Điều chỉnh lần thứ 1: Ngày 02 tháng 5 năm 2024).

- Tài liệu về đánh giá tác động môi trường của Dự án: Bản sao Quyết định số 5166/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Khai thác mỏ đá cát kết làm vật liệu xây dựng thông thường và đất làm vật liệu san lấp tại xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh, kèm theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường. ✓

- Báo cáo thuyết minh hiện trạng rừng và bản đồ hiện trạng rừng (tỷ lệ bản đồ 1/5.000) khu vực đề nghị CMĐSDR để thực hiện dự án Khai thác mỏ đá cát kết làm vật liệu xây dựng thông thường và đất làm vật liệu san lấp tại xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh.

- Văn bản cam kết thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế đối với diện tích đề nghị CMĐSDR: Công văn số 848/XMHV-NMVN ngày 02/8/2024 của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân.

Báo cáo số 2367/BC-SNN ngày 28/8/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về kết quả thẩm định nội dung trình quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án Khai thác mỏ đá cát kết làm vật liệu xây dựng thông thường và đất làm vật liệu san lấp tại xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh *(Có các hồ sơ, văn bản liên quan gửi kèm Báo cáo này)*.

Ủy ban nhân dân tỉnh đánh giá hồ sơ dự án đủ căn cứ, điều kiện để trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân tỉnh và pháp luật về nội dung trình nêu trên./.

Phụ lục 04

Nội dung trình quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án Đường từ bản Đù Do đến cột Mốc 561, xã Trường Sơn, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình
(Kèm theo Tờ trình số ~~1872~~ /TTr-UBND ngày ~~10~~ /~~10~~/2024 của UBND tỉnh)

1. Thông tin chung về dự án

- Tên dự án: Đường từ bản Đù Do đến cột Mốc 561, xã Trường Sơn, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.
- Cấp quyết định đầu tư dự án: Bộ Quốc phòng.
- Chủ đầu tư: Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Quảng Bình.
- Quy mô đầu tư: Tuyến đường có chiều dài 12,673 km. Trong đó: điểm đầu nối tiếp với tuyến đường sẵn có của địa phương; điểm cuối tại khu vực cột Mốc 561. Đường ô tô có Bnên = 4m; Bmặt = 3m; Blề = 2 x 0,5m; kết cấu mặt đường bê tông xi măng; hệ thống công trình thoát nước, công trình an toàn giao thông... đồng bộ.
- Địa điểm dự án: Xã Trường Sơn, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.
- Nhóm dự án: Dự án nhóm B.
- Loại và cấp công trình: Công trình giao thông, cấp IV.
- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách nhà nước.
- Thời gian thực hiện dự án: Từ năm 2023 - 2026.

2. Sự cần thiết đầu tư dự án

Xã Trường Sơn, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình có điều kiện địa hình, địa chất, thủy văn rất khó khăn phức tạp; trong đó tuyến đường từ bản Đù Do đến cột Mốc 561 là tuyến đường mòn tự phát, có độ dốc tự nhiên lớn, vào mùa mưa đường trơn trượt đi lại rất khó khăn ảnh hưởng đến công tác tuần tra của cán bộ chiến sỹ Đồn Biên phòng Làng Mô và việc đi lại của dân bản.

Mục tiêu đầu tư xây dựng tuyến đường Đù Do đến cột Mốc 561 là nhằm tăng cường khả năng cơ động lực lượng, phương tiện khi có tình huống xảy ra trên biên giới; phục vụ tốt các nhiệm vụ quốc phòng an ninh, tuần tra bảo vệ biên giới; đấu tranh phòng chống vi phạm pháp luật; kiểm soát ngăn chặn xuất, nhập cảnh trái phép; phòng chống thiên tai kết hợp cứu hộ cứu nạn...; đồng thời góp phần giải quyết những khó khăn về giao thông đi lại của người dân trong khu vực, nâng cao đời sống và bảo đảm an sinh xã hội.

Do vậy, việc đầu tư xây dựng tuyến đường để giúp cán bộ, chiến sỹ Đồn Biên phòng Làng Mô thực hiện tốt nhiệm vụ tuần tra bảo vệ đường biên, Mốc quốc giới, đồng thời phát triển kinh tế - xã hội là hết sức cần thiết. ✓

3. Diện tích và vị trí khu rừng đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác

- Vị trí: Tại 51 lô (gồm 37 lô có rừng và 14 lô chưa có rừng) thuộc các khoảnh 3, 6, 9 - Tiểu khu 383; các khoảnh 6, 7 - Tiểu khu 554; các khoảnh 1, 2, 3, 4, 6, 7 - Tiểu khu 565, xã Trường Sơn, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

- Diện tích dự án: 20,96551 ha. Trong đó:

+ Diện tích có rừng đề nghị quyết định chủ trương CMĐSDR: 18,69355 ha.

+ Diện tích chưa có rừng: 2,27196 ha.

- Nguồn gốc hình thành: Rừng tự nhiên.

- Loại rừng: Rừng phòng hộ: 10,48677 ha; rừng sản xuất: 8,20678 ha.

4. Về đáp ứng nguyên tắc, căn cứ CMĐSDR theo quy định tại Điều 14, Điều 15 Luật Lâm nghiệp

4.1. Về nguyên tắc CMĐSDR theo quy định tại Điều 14 Luật Lâm nghiệp

a) Sự phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp quốc gia hoặc quy hoạch tỉnh hoặc quy hoạch sử dụng đất cấp huyện theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 248 Luật Đất đai:

- Phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp cấp quốc gia hoặc quy hoạch tỉnh: Dự án phù hợp với Quy hoạch tỉnh Quảng Bình thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 12/4/2023 (Quy hoạch tỉnh Quảng Bình); cụ thể:

+ Dự án Đường từ bản Đồi Đo đến cột Mốc 561, xã Trường Sơn, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình thuộc Hệ thống đường tuần tra biên giới, được cập nhật tại điểm 1, mục I, phần D, Phụ lục XVIII Danh mục dự án của tỉnh và thứ tự ưu tiên thực hiện được phê duyệt tại Quyết định số 377/QĐ-TTg.

+ Chỉ tiêu sử dụng đất của dự án Đường từ bản Đồi Đo đến cột Mốc 561, xã Trường Sơn, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình là đất giao thông đã được tổng hợp tại mục 2.8 phần I Phụ lục XVII ban hành kèm theo Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 12/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Theo báo cáo thuyết minh tổng hợp Quy hoạch tỉnh Quảng Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Đường từ bản Đồi Đo đến cột Mốc 561, xã Trường Sơn, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình đã được cập nhật trong nội dung Phương án tổ chức hoạt động kinh tế xã hội, cụ thể về “Xây dựng thể trận Quốc phòng - An ninh trong bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội” tại tiêu mục 5.5.3.1 (trang 351), mục V, Phần II của Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tỉnh Quảng Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 có nêu: “... Quan tâm quy hoạch đầu tư xây dựng các công trình trọng điểm kết hợp với phát triển KT-XH nhằm bảo đảm QP-AN như: Đường cao tốc, đường quốc phòng ven biển, đường tuần tra biên giới, đường sắt, đường biển, đường không, đường ra cột Mốc biên giới và các trục đường quốc lộ, tỉnh lộ...”

+ Vị trí thực hiện dự án Đường từ bản Đìu Đơ đến cột Mốc 561, xã Trường Sơn, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình được thể hiện trong bản đồ phương án quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 tỉnh Quảng Bình.

- Phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện: Theo phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Quảng Ninh đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 381/QĐ-UBND ngày 27/02/2023, thì chỉ tiêu sử dụng đất giao thông được quy hoạch đến năm 2030 là 2.407,27 ha (trong mục 2.9 Phụ lục 1 Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đến năm 2030 huyện Quảng Ninh). Trong đó, chỉ tiêu quy hoạch đất giao thông của Dự án Đường từ bản Đìu Đơ đến cột Mốc 561, xã Trường Sơn, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình đã được tích hợp trong quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt; vị trí thực hiện Dự án thuộc phạm vi quy hoạch đất giao thông được thể hiện trên bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Quảng Ninh.

b) Nguyên tắc về chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác:

Tại khoản 2 Điều 14 Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 248 Luật Đất đai năm 2024 quy định: *“Không chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác, trừ các dự án sau đây: dự án quan trọng quốc gia; dự án phục vụ quốc phòng, an ninh; dự án cấp thiết khác theo tiêu chí do Chính phủ quy định”*.

Dự án đường từ bản Đìu Đơ đến cột Mốc 561, xã Trường Sơn, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình được phê duyệt chủ trương đầu tư dự án tại Quyết định số 1165/QĐ-BQP ngày 12/4/2022 của Bộ Quốc phòng. Trong đó, mục tiêu đầu tư dự án được xác định là dự án phục vụ quốc phòng, an ninh.

Như vậy, dự án Đường từ bản Đìu Đơ đến cột Mốc 561, xã Trường Sơn, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình là dự án phục vụ quốc phòng, an ninh do Bộ Quốc phòng xác nhận tại Quyết định số 1165/QĐ-BQP ngày 12/4/2022.

Đối chiếu theo tiêu chí xác định dự án được chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên do Chính phủ quy định tại khoản 2 Điều 41a được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 91/2024/NĐ-CP, thì Dự án phù hợp tiêu chí được chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên là *“Dự án phục vụ quốc phòng, an ninh do Bộ Quốc phòng xác nhận bằng văn bản”*.

c) Thống nhất, đồng bộ với chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại khoản 5 Điều 14 Luật Lâm nghiệp:

Dự án đường từ bản Đìu Đơ đến cột Mốc 561, xã Trường Sơn, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình đã được thông qua danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình tại Nghị quyết số 127/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh (khoản 6 mục II Phụ lục 1).

Kế hoạch sử dụng đất thực hiện dự án Đường từ bản Đìu Đơ đến cột Mốc 561, xã Trường Sơn, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình đã được UBND tỉnh

phê duyệt tại Quyết định số 326/QĐ-UBND ngày 06/02/2024, với diện tích 22,16 ha (tại mục 2.1.1.1.46 Phụ lục 05).

Hiện nay, Chủ đầu tư đang thực hiện các thủ tục trình cấp có thẩm quyền quyết định chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất để thực hiện dự án theo quy định của Luật Đất đai; đồng thời thực hiện các thủ tục về CMĐSDR để thực hiện dự án theo quy định của Luật Lâm nghiệp.

Như vậy, việc CMĐSDR 18,69355 ha đảm bảo nằm trong chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất; thống nhất, đồng bộ với chuyển mục đích sử dụng đất theo kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4.2. Về căn cứ CMĐSDR theo quy định tại Điều 15 Luật Lâm nghiệp

a) Về kế hoạch CMĐSDR của UBND cấp huyện được UBND cấp tỉnh phê duyệt hoặc kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Luật Lâm nghiệp (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 248 Luật Đất đai năm 2024):

Kế hoạch sử dụng đất thực hiện dự án Đường từ bản Đù Do đến cột Mốc 561, xã Trường Sơn, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 326/QĐ-UBND ngày 06/02/2024 (tại mục 2.1.1.1.46 Phụ lục 05), với diện tích 22,16 ha đất rừng phòng hộ và các loại đất khác (bao gồm đất rừng sản xuất); đảm bảo nhu cầu sử dụng đất thực tế của Dự án (20,96551 ha).

b) Về nhu cầu sử dụng rừng: Dự án đã được xác định rõ nhu cầu diện tích có rừng cần CMĐSDR để thực hiện dự án. Cụ thể, nhu cầu CMĐSDR để thực hiện dự án là 18,69355 ha rừng tự nhiên trong 20,96551 ha đất thực hiện dự án.

5. Hồ sơ trình quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác

Hồ sơ trình quyết định chủ trương CMĐSDR để thực hiện dự án Đường từ bản Đù Do đến cột Mốc 561, xã Trường Sơn, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình đảm bảo quy định tại khoản 2 Điều 41 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 21 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP, gồm:

- Văn bản đề nghị quyết định chủ trương CMĐSDR: Tờ trình số 2318/TTr-BCH ngày 02/8/2024 của Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Quảng Bình.

- Bản sao quyết định chủ trương đầu tư dự án; quyết định phê duyệt dự án: Bản sao Quyết định số 1165/QĐ-BQP ngày 12/4/2022 của Bộ Quốc phòng phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đường từ bản Đù Do đến cột Mốc 561 xã Trường Sơn, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 3215/QĐ-BQP ngày 20/7/2023 của Bộ Quốc phòng phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Đường từ bản Đù Do đến cột Mốc 561, xã Trường Sơn, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 2127/QĐ-BĐBP ngày 30/4/2024 của Bộ đội Biên phòng-Bộ Quốc phòng về việc phê duyệt thiết kế xây dựng Công trình:

Đường từ bản Đìu Đơ đến cột Mốc 561, xã Trường Sơn, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

- Tài liệu về đánh giá tác động môi trường của dự án: Bản sao Quyết định số 3045/QĐ-BTNMT ngày 18/10/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đường từ bản Đìu Đơ đến cột Mốc 561 xã Trường Sơn, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình”, kèm theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

- Báo cáo thuyết minh, bản đồ hiện trạng rừng (tỷ lệ bản đồ 1/5.000), kết quả điều tra rừng khu vực đề nghị quyết định chủ trương CMĐSDR để thực hiện dự án Đường từ bản Đìu Đơ đến cột Mốc 561, xã Trường Sơn, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

- Văn bản cam kết thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế đối với diện tích đề nghị CMĐSDR: Công văn số 2315/BCH-HCKT ngày 02/8/2024 của Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Quảng Bình;

- Văn bản số 2512/BCH-HCKT ngày 27/8/2024 của Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng về việc giải trình một số nội dung về kết quả họp thẩm định hồ sơ trình chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng dự án Đường từ bản Đìu Đơ đến cột Mốc 561, xã Trường Sơn, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

- Báo cáo số 2372/BC-SNN ngày 29/8/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về kết quả thẩm định nội dung trình quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án Đường từ bản Đìu Đơ đến cột Mốc 561, xã Trường Sơn, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình (*Có các hồ sơ, văn bản liên quan gửi kèm Báo cáo này*).

Ủy ban nhân dân tỉnh đánh giá hồ sơ dự án đủ căn cứ, điều kiện để trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân tỉnh và pháp luật về nội dung trình nêu trên./.

Phụ lục 05

Nội dung trình quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng và phục hồi chức năng suối nước nóng Bang (Giai đoạn 1)
(Kèm theo Tờ trình số **1872** /TTr-UBND ngày **10/10/2024** của UBND tỉnh)

1. Thông tin chung về dự án

- Tên dự án: Khu du lịch nghỉ dưỡng và phục hồi chức năng suối nước nóng Bang (Giai đoạn 1).
- Cấp Quyết định chủ trương đầu tư dự án: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình.
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thịnh.
- Nguồn vốn đầu tư: Vốn tự có của doanh nghiệp 20%; vốn vay ngân hàng 80%.
- Địa điểm xây dựng: Xã Kim Thủy, huyện Lệ Thủy.
- Quy mô đầu tư: Đầu tư các hạng mục: khu khách sạn tập trung; khu thể thao giải trí công cộng; khu tổ chức sự kiện; khu Spa; khu bảo vệ cảnh quan, cây xanh, mặt nước; khu giao thông và bãi đỗ xe; khu biệt thự ven suối Bang lạnh; khu biệt thự cửa ngõ; khu vui chơi, thể dục thể thao; giải trí; hạ tầng kỹ thuật; hệ thống cây xanh, sân vườn; khu nhà văn hóa.
- Tiến độ thực hiện dự án: Hoàn thành, đưa dự án vào sử dụng tối đa 24 tháng kể từ ngày có Quyết định phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư (số 3415/QĐ-UBND ngày 30/11/2023 của UBND tỉnh).

2. Sự cần thiết đầu tư dự án

Hiện nay, số lượng khách du lịch đến Quảng Bình ngày càng tăng. Du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh để phát triển, trong đó phát triển du lịch cần phải quy hoạch và đầu tư các khu du lịch. Suối nước nóng Bang là khu vực có nguồn nước nóng nhiên đặc biệt, có tiềm năng để phát triển du lịch, nghỉ dưỡng rất lớn, nằm trong khu vực du lịch ở phía Tây của tỉnh Quảng Bình và là một trong những tuyến du lịch trọng điểm của mạng lưới phát triển du lịch của tỉnh. Do đó, việc đầu tư thực hiện dự án là cần thiết.

3. Diện tích và vị trí khu rừng đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác

- Vị trí: Tại 14 lô (gồm 09 lô có rừng và 05 lô chưa có rừng) thuộc khoảnh 2 - Tiểu khu 489, xã Kim Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.
- Diện tích dự án (đợt 2) là 11,9114 ha. Trong đó:
 - + Diện tích có rừng đề nghị phê duyệt chủ trương CMĐSDR: 6,27278 ha .
 - + Diện tích chưa có rừng: 5,63862 ha.
- Nguồn gốc hình thành: Rừng trồng, loài cây Keo. ✓

- Loại rừng: Rừng sản xuất: 5,75063ha; rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng có nguồn gốc rừng sản xuất: 0,52215 ha.

4. Về đáp ứng nguyên tắc, căn cứ CMĐSDSR theo quy định tại Điều 14, Điều 15 Luật Lâm nghiệp

4.1. Về nguyên tắc CMĐSDSR theo quy định tại Điều 14 Luật Lâm nghiệp

a) Sự phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp quốc gia hoặc quy hoạch tỉnh hoặc quy hoạch sử dụng đất cấp huyện theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 248 Luật Đất đai:

- Phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp quốc gia hoặc quy hoạch tỉnh: Dự án phù hợp với Quy hoạch tỉnh Quảng Bình thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 12/4/2023 (Quy hoạch tỉnh Quảng Bình); cụ thể:

+ Chỉ tiêu sử dụng đất thực hiện Dự án thuộc Đất thương mại dịch vụ được cập nhật tại mục 2.5 Phụ lục XVII “Chỉ tiêu sử dụng đất tỉnh Quảng Bình thời kỳ 2021 - 2030 kèm theo Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 12/4/2023.

+ Vị trí thực hiện dự án thuộc khu đất thương mại dịch vụ được thể hiện trên Bản đồ phương án quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 - Tỉnh Quảng Bình đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 377/QĐ-TTg.

- Phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện: Dự án có chỉ tiêu sử dụng đất thuộc đất thương mại dịch vụ, phù hợp Quy hoạch sử dụng đất thương mại dịch vụ đến năm 2030 trên địa bàn huyện Lệ Thủy đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 379/QĐ-UBND ngày 27/02/2023 (mục 2.9 phần I Phụ lục 1), với diện tích là 789,76 ha. Trong đó, chỉ tiêu sử dụng đất thương mại dịch vụ của Dự án đã được tích hợp trong Quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt; vị trí thực hiện dự án thuộc phạm vi khu đất quy hoạch đất thương mại dịch vụ được thể hiện trên bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030.

b) Không chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 248 Luật Đất đai năm 2024:

Diện tích 6,27278 ha rừng đề nghị quyết định chủ trương CMĐSDSR là rừng trồng, đảm bảo tuân thủ nguyên tắc không chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác.

c) Thống nhất, đồng bộ với chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại khoản 5 Điều 14 Luật Lâm nghiệp:

Kế hoạch sử dụng đất của dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng và phục hồi chức năng suối nước nóng Bang (Giai đoạn 1) đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 237/QĐ-UBND ngày 31/01/2024 về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Lệ Thủy.

Hiện nay, Chủ đầu tư đang thực hiện các thủ tục trình cấp có thẩm quyền quyết định chuyển mục đích sử dụng đất, cho thuê đất để thực hiện dự án theo quy định của Luật Đất đai; đồng thời thực hiện các thủ tục về CMĐSDR để thực hiện dự án theo quy định của Luật Lâm nghiệp.

Như vậy, việc CMĐSDR 6,27278 ha đảm bảo chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất; thống nhất, đồng bộ với chuyển mục đích sử dụng đất theo kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4.2. Về căn cứ CMĐSDR theo quy định tại Điều 15 Luật Lâm nghiệp

a) Về kế hoạch CMĐSDR của UBND cấp huyện được UBND cấp tỉnh phê duyệt hoặc kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Luật Lâm nghiệp (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 248 Luật Đất đai năm 2024):

Kế hoạch sử dụng đất của dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng và phục hồi chức năng suối nước nóng Bang (Giai đoạn 1) đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 237/QĐ-UBND ngày 31/01/2024 về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Lệ Thủy (tại mục 2.2.5.11 Phụ lục 05). Trong đó, chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất của Dự án là 50,6 ha; đảm bảo nhu cầu sử dụng đất thực tế của Dự án.

b) Về nhu cầu sử dụng rừng: Dự án đã xác định nhu cầu diện tích có rừng cần CMĐSDR để thực hiện dự án. Cụ thể nhu cầu CMĐSDR là 6,27278 ha rừng trồng trong diện tích 11,9114 ha đất thực hiện dự án.

5. Hồ sơ trình quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác

Hồ sơ trình quyết định chủ trương CMĐSDR để thực hiện dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng và phục hồi chức năng suối nước nóng Bang của Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thịnh (Giai đoạn 1) đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 21 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP, gồm:

- Văn bản đề nghị quyết định chủ trương CMĐSDR: Tờ trình số 08/TTr-TT ngày 01/8/2024 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thịnh.

- Bản sao các văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư dự án:

- + Quyết định số 2827/QĐ-UBND ngày 08/8/2017 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng và phục hồi chức năng suối nước nóng Bang của Công ty CP Tập đoàn Trường Thịnh (Giai đoạn 1);

- + Quyết định số 1170/QĐ-UBND ngày 11/04/2018 của UBND tỉnh quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư về việc thực hiện dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng và phục hồi chức năng suối nước nóng Bang của Công ty CP Tập đoàn Trường Thịnh;

- + Quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 13/02/2019 của UBND tỉnh quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư về việc thực hiện dự án Khu du lịch nghỉ

dưỡng và phục hồi chức năng suối nước nóng Bang của Công ty CP Tập đoàn Trường Thịnh;

+ Quyết định số 1019/QĐ-UBND ngày 08/4/2021 của UBND tỉnh quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư về việc thực hiện dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng và phục hồi chức năng suối nước nóng Bang của Công ty CP Tập đoàn Trường Thịnh;

+ Quyết định số 3415/QĐ-UBND ngày 30/11/2023 của UBND tỉnh quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (điều chỉnh lần thứ 4: ngày 30 tháng 11 năm 2023.

- Tài liệu về đánh giá tác động môi trường của Dự án: Bản sao Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 26/8/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng và phục hồi chức năng suối nước nóng Bang (Kỳ 1 - Giai đoạn 1), kèm Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án. Ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận Dự án thuộc phạm vi của Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 26/8/2020 (ghi tại Công văn số 905/TĐTT ngày 28/8/2024 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thịnh về việc đề nghị có ý kiến đối với báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng và phục hồi chức năng suối nước nóng Bang (Giai đoạn 1)).

- Báo cáo thuyết minh hiện trạng rừng và bản đồ hiện trạng rừng (tỷ lệ bản đồ 1/5.000) khu vực đề nghị CMĐSDR để thực hiện dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng và phục hồi chức năng suối nước nóng Bang (Giai đoạn 1).

- Văn bản cam kết thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế đối với diện tích đề nghị CMĐSDR: Công văn số 07/TĐTT ngày 01/8/2024 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thịnh.

- Báo cáo số 2426/BC-SNN ngày 05/9/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về kết quả thẩm định nội dung trình quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng và phục hồi chức năng suối nước nóng Bang của Công ty CP Tập đoàn Trường Thịnh (Giai đoạn 1) *(Có các hồ sơ, văn bản liên quan gửi kèm Báo cáo này).*

Ủy ban nhân dân tỉnh đánh giá hồ sơ dự án đủ căn cứ, điều kiện để trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân tỉnh và pháp luật về nội dung trình nêu trên./.

Phụ lục 06

**Nội dung trình quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng
sang mục đích khác để thực hiện dự án Hoàn thiện hạ tầng
Cụm công nghiệp Thuận Đức, thành phố Đồng Hới**
(Kèm theo Tờ trình số **1872** /TTr-UBND ngày **10** /10/2024 của UBND tỉnh)

1. Thông tin chung về dự án

- Tên dự án: Hoàn thiện hạ tầng Cụm công nghiệp Thuận Đức, thành phố Đồng Hới.
- Cấp Quyết định chủ trương đầu tư dự án: Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình.
- Chủ đầu tư: Sở Công Thương tỉnh Quảng Bình.
- Nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn đầu tư công trung hạn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025.
- Địa điểm dự án: Xã Thuận Đức, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.
- Quy mô đầu tư: Đầu tư xây dựng và hoàn thiện hệ thống đường giao thông, thoát nước, cấp điện, cấp nước, thoát nước thải, vỉa hè và các hạ tầng khác phù hợp với quy hoạch Cụm công nghiệp Thuận Đức đã được phê duyệt.
- Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2022-2024.

2. Sự cần thiết đầu tư dự án

Cụm công nghiệp Thuận Đức, thành phố Đồng Hới được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch cụm công nghiệp tại Công văn số 5949/VPCP-KTN ngày 05/8/2014 với quy mô 25 ha. Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Hới phê duyệt Quy hoạch chi tiết tại Quyết định số 3308/QĐ-CT ngày 06/9/2005 và số 2521/QĐ-UBND ngày 03/9/2013 với tổng diện tích 21,17 ha. Hiện nay, Cụm công nghiệp Thuận Đức đã hoàn thiện san lấp giải phóng mặt bằng, giao đất cho các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh theo quy hoạch xây dựng đã được duyệt. Để đầu tư hệ thống cơ sở hạ tầng của Cụm công nghiệp, ngày 27/7/2016, Thường trực HĐND tỉnh đã có văn bản số 42/TTHĐND phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án xây dựng hạ tầng Cụm công nghiệp Thuận Đức, thành phố Đồng Hới. Tuy nhiên, do không cân đối được nguồn vốn, nên đến nay hệ thống cấp điện, thoát nước mặt và nước thải của Cụm công nghiệp vẫn chưa được đầu tư hoàn thiện để phục vụ hoạt động của các nhà máy, tạo môi trường thuận lợi cho các nhà đầu tư.

Vì vậy, việc đầu tư Hoàn thiện hạ tầng Cụm công nghiệp Thuận Đức, thành phố Đồng Hới là rất cần thiết.

3. Diện tích và vị trí khu rừng đề nghị quyết định chủ trương chuyển MĐSDR

- Vị trí: Tại 01 lô thuộc khoảnh 1 - NTK1, xã Thuận Đức, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. ✓

- Diện tích thực hiện dự án 0,20996 ha. Diện tích có rừng đề nghị quyết định chủ trương chuyển MĐSDR 0,20996 ha.

- Nguồn gốc hình thành: Rừng trồng, loài cây Keo.

- Loại rừng: Rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng có nguồn gốc rừng sản xuất.

4. Về đáp ứng nguyên tắc, căn cứ chuyển MĐSDR theo quy định tại Điều 14, Điều 15 Luật Lâm nghiệp

4.1. Về nguyên tắc chuyển MĐSDR theo quy định tại Điều 14 Luật Lâm nghiệp

a) Sự phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp quốc gia hoặc quy hoạch tỉnh hoặc quy hoạch sử dụng đất cấp huyện theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 248 Luật Đất đai:

- Phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp quốc gia hoặc quy hoạch tỉnh: Dự án phù hợp Quy hoạch tỉnh Quảng Bình thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 12/4/2023 (Quy hoạch tỉnh Quảng Bình); cụ thể:

+ Dự án Hoàn thiện hạ tầng Cụm công nghiệp Thuận Đức, thành phố Đồng Hới thuộc Cụm công nghiệp Thuận Đức phù hợp với Phương án phát triển các cụm công nghiệp tại mục 1, phần I, Phụ lục XIV ban hành kèm theo Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 12/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ;

+ Chỉ tiêu sử dụng đất của dự án Hoàn thiện hạ tầng Cụm công nghiệp Thuận Đức, thành phố Đồng Hới (đất cụm công nghiệp) đã được phân bổ tại mục 2.4 phần I Phụ lục XVII ban hành kèm theo Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 12/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

- Phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện:

Quy hoạch đất cụm công nghiệp đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Đồng Hới đã được UBND tỉnh phê duyệt tại mục 2.4 phần I Phụ lục 1 Quyết định số 499/QĐ-UBND ngày 09/3/2023 về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thành phố Đồng Hới, với diện tích là 107,30 ha. Trong đó, chỉ tiêu sử dụng đất cụm công nghiệp của dự án Hoàn thiện hạ tầng Cụm công nghiệp Thuận Đức, thành phố Đồng Hới đã được tích hợp trong Quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt. Tuy nhiên, trong tổng diện tích 0,20996ha đất dự kiến chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác có khoảng 0,08 ha đang giữ nguyên hiện trạng là đất trồng cây lâu năm.

Để có cơ sở đánh giá sự phù hợp quy hoạch sử dụng đất, Dự án Hoàn thiện hạ tầng Cụm công nghiệp Thuận Đức, thành phố Đồng Hới đã được đánh giá trên cơ sở phù hợp các quy hoạch: Quy hoạch tỉnh Quảng Bình; đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Đồng Hới và vùng phụ cận đến năm 2045, tỷ lệ 1/10.000 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1397/QĐ-UBND ngày 27/5/2024; điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng và mở rộng làng nghề Thuận Đức, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình được phê duyệt tại Quyết định số 2521/QĐ-UBND ngày 03/9/2013 của UBND thành phố Đồng Hới và quy hoạch

phân khu vực phát triển đô thị xã Thuận Đức do UBND thành phố tổ chức lập và trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

b) Không chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 248 Luật Đất đai năm 2024:

Diện tích 0,20996 ha rừng đề nghị quyết định chủ trương chuyển MĐSDR là rừng trồng, đảm bảo tuân thủ nguyên tắc không chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác.

c) Thống nhất, đồng bộ với chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại khoản 5 Điều 14 Luật Lâm nghiệp:

Dự án Hoàn thiện hạ tầng Cụm công nghiệp Thuận Đức, thành phố Đồng Hới đã được thông qua danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình tại Nghị quyết số 127/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh (khoản 82 mục VIII, phần B Phụ lục 1 Bổ sung Danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình).

Kế hoạch sử dụng đất thực hiện dự án Hoàn thiện hạ tầng Cụm công nghiệp Thuận Đức, thành phố Đồng Hới đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 415/QĐ-UBND ngày 26/02/2024 (tại mục 2.1.1.2 Phụ lục 5), với diện tích 0,31 ha.

Hiện nay, Chủ đầu tư đang thực hiện các thủ tục trình cấp có thẩm quyền quyết định chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất để thực hiện dự án theo quy định của Luật Đất đai; đồng thời thực hiện các thủ tục về chuyển MĐSDR để thực hiện dự án theo quy định của Luật Lâm nghiệp.

Như vậy, việc chuyển MĐSDR 0,20996 ha đảm bảo nằm trong chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất; thống nhất, đồng bộ với chuyển mục đích sử dụng đất theo kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4.2. Về căn cứ chuyển MĐSDR theo quy định tại Điều 15 Luật Lâm nghiệp

a) Về kế hoạch chuyển MĐSDR của UBND cấp huyện được UBND cấp tỉnh phê duyệt hoặc kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Luật Lâm nghiệp (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 248 Luật Đất đai năm 2024):

Kế hoạch sử dụng đất của dự án Hoàn thiện hạ tầng Cụm công nghiệp Thuận Đức, thành phố Đồng Hới đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 415/QĐ-UBND ngày 26/02/2024 (tại mục 2.1.1.2 Phụ lục 5 kèm theo Quyết định), với diện tích 0,31 ha; đảm bảo nhu cầu sử dụng đất thực tế của dự án (0,20996 ha).

b) Về nhu cầu chuyển MĐSDR: Dự án đã được xác định nhu cầu diện tích có rừng cần chuyển MĐSDR trong phạm vi thực hiện dự án; cụ thể nhu cầu CMĐSDR để thực hiện dự án là 0,20996 ha rừng trồng/0,20996 ha đất thực hiện dự án. *✓*

5. Hồ sơ trình quyết định chủ trương chuyển MĐSDR

Hồ sơ trình quyết định chủ trương chuyển MĐSDR để thực hiện dự án Hoàn thiện hạ tầng Cụm công nghiệp Thuận Đức, thành phố Đồng Hới đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 21 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP, gồm:

- Văn bản đề nghị quyết định chủ trương chuyển MĐSDR: Tờ trình số 1305/TTr-SCT ngày 30/7/2024 của Sở Công Thương.

- Bản sao các văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư dự án, văn bản phê duyệt dự án:

- + Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công trung hạn (lần 1) giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn tỉnh quản lý.

- + Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh.

- + Quyết định số 2551/QĐ-UBND ngày 21/9/2022 của UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án: Hoàn thiện hạ tầng Cụm công nghiệp Thuận Đức, thành phố Đồng Hới.

- Tài liệu về đánh giá tác động môi trường của Dự án: Bản sao Quyết định số 1993/QĐ-UBND ngày 05/6/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án: Xây dựng hạ tầng Cụm công nghiệp Thuận Đức, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình của Sở Công Thương; kèm theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Xây dựng hạ tầng Cụm công nghiệp Thuận Đức, thành phố Đồng Hới.

- Báo cáo thuyết minh hiện trạng rừng và bản đồ hiện trạng rừng (tỷ lệ bản đồ 1/5.000) khu vực đề nghị chuyển MĐSDR để thực hiện dự án Hoàn thiện hạ tầng Cụm công nghiệp Thuận Đức, thành phố Đồng Hới.

- Văn bản cam kết thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế đối với diện tích đề nghị chuyển MĐSDR: Công văn số 1304/SCT-QLCN ngày 30/7/2024 của Sở Công Thương về việc cam kết thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế đối với diện tích đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

Báo cáo số 2798/BC-SNN ngày 09/10/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về kết quả thẩm định nội dung trình quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án Hoàn thiện hạ tầng Cụm công nghiệp Thuận Đức, thành phố Đồng Hới (Có các hồ sơ, văn bản liên quan gửi kèm Báo cáo này).

UBND tỉnh đánh giá hồ sơ dự án đủ căn cứ, điều kiện để trình HĐND tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước HĐND tỉnh và pháp luật về nội dung trình nêu trên./. 

Phụ lục 07

Nội dung trình quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án Doanh trại Đoàn bộ và các đội sản xuất Đoàn Kinh tế quốc phòng 92, Quân khu 4
(Kèm theo Tờ trình số **1872**/TTr-UBND ngày **10**/10/2024 của UBND tỉnh)

1. Thông tin chung về dự án

- Tên dự án: Doanh trại Đoàn bộ và các đội sản xuất Đoàn Kinh tế quốc phòng 92, Quân khu 4.
- Cấp Quyết định chủ trương đầu tư dự án: Bộ Quốc phòng.
- Chủ đầu tư: Quân khu 4.
- Đại diện chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng doanh trại Đoàn KTQP 92, Quân khu 4.
- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Nhà nước chi thường xuyên cho quốc phòng.
- Địa điểm dự án: Các xã: Dân Hóa, Trọng Hóa, Thượng Hóa, Hóa Sơn thuộc huyện Minh Hóa; xã Thanh Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình.
- Quy mô đầu tư:
 - + Doanh trại Đoàn bộ (Công trình dân dụng): Xây dựng các hạng mục (Nhà làm việc chỉ huy, cơ quan; Nhà hội trường + nhà ăn + căng tin; Nhà ở chỉ huy; Nhà ở các cơ quan; Nhà ở + làm việc Đội xe máy, Đội xây dựng; Nhà ở Đội trị thức trẻ tình nguyện; Nhà thi đấu; Nhà trực ban tiếp dân; Nhà khách; Nhà để xe ô tô; Nhà để xe máy; Kho tổng hợp; Kho vũ khí; Xưởng cơ khí...), tổng diện tích sàn khoảng 7.930m². Công trình hạ tầng kỹ thuật; trang thiết bị doanh cụ.
 - + Doanh trại Bệnh xá quân dân y (Công trình dân dụng): Xây dựng các hạng mục (Nhà ở + làm việc Bệnh xá quân dân y; Nhà ăn trạm xá; Nhà điều trị; Nhà khám; Nhà để xe máy; ...), tổng diện tích sàn khoảng 1.330m². Công trình hạ tầng kỹ thuật; trang thiết bị doanh cụ.
 - + Doanh trại Đội sản xuất 1, 2, 3, 4 có quy mô đầu tư cho 01 đội như sau: Công trình dân dụng: Xây dựng hạng mục Nhà sinh hoạt, làm việc + bếp ăn, diện tích sàn khoảng 360m². Công trình hạ tầng kỹ thuật; trang thiết bị doanh cụ.
- Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2024 - 2026.

2. Sự cần thiết đầu tư dự án

Thực hiện nhiệm vụ mới và di dời doanh trại Đoàn KTQP 92, Quân khu 4 về tại huyện Minh Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035 theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, phù hợp với điều kiện thực tế để xây dựng khu KTQP trên địa bàn chiến lược biên giới, vùng sâu, vùng xa góp phần đưa chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đến với đồng bào các dân tộc vùng biên giới huyện Minh Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình; góp phần cùng lực lượng vũ trang Quân khu thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ vững chắc địa bàn vùng biên giới tỉnh Quảng Bình. Để thực hiện nhiệm vụ trên, việc xây dựng doanh trại Đoàn KTQP

✓

92, Quân khu 4 tại Minh Hóa, Tuyên Hóa tỉnh Quảng Bình là cần thiết và cấp bách nhằm tạo điều kiện cho cán bộ, nhân viên ổn định nơi làm việc, sinh hoạt, huấn luyện góp phần thắng lợi nhiệm vụ của đơn vị.

3. Diện tích và vị trí khu rừng đề nghị quyết định chủ trương chuyển MĐSDR

- Vị trí: Tại 28 lô (gồm 11 lô diện tích có rừng và 17 lô diện tích chưa có rừng), thuộc 09 khoảnh, 05 tiểu khu trên địa giới hành chính các xã Dân Hóa, Hóa Sơn, Thượng Hóa, Trọng Hóa, huyện Minh Hóa và xã Thanh Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình.

- Diện tích thực hiện dự án là 21,7605 ha. Trong đó:

+ Diện tích có rừng đề nghị quyết định chủ trương chuyển MĐSDR: 12,776 ha.

+ Diện tích chưa có rừng: 8,9845 ha.

- Nguồn gốc hình thành: Rừng trồng, loài cây Keo.

- Loại rừng: Rừng phòng hộ 0,2187 ha; rừng sản xuất 0,2894 ha; rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng có nguồn gốc rừng phòng hộ 0,5673 ha; rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng có nguồn gốc rừng sản xuất 11,7006 ha.

4. Về đáp ứng nguyên tắc, căn cứ chuyển MĐSDR theo quy định tại Điều 14, Điều 15 Luật Lâm nghiệp

4.1. Về nguyên tắc chuyển MĐSDR theo quy định tại Điều 14 Luật Lâm nghiệp

a) Sự phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp quốc gia hoặc quy hoạch tỉnh hoặc quy hoạch sử dụng đất cấp huyện theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 248 Luật Đất đai:

- Phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp quốc gia hoặc quy hoạch tỉnh: Dự án phù hợp Quy hoạch tỉnh Quảng Bình thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 12/4/2023 (Quy hoạch tỉnh Quảng Bình); cụ thể:

+ Dự án phù hợp Quy hoạch tỉnh Quảng Bình về phát triển ngành, lĩnh vực quốc phòng - an ninh (Điểm 10. Quốc phòng an ninh, Mục III, Điều 1 Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 12/4/2023): “Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh Nhân dân vững chắc; gắn phát triển kinh tế, xã hội với đảm bảo quốc phòng - an ninh, xây dựng khu vực phòng thủ; thực hiện đồng bộ các giải pháp đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội; tăng cường an ninh, an toàn thông tin mạng”.

+ Chỉ tiêu sử dụng đất của dự án thuộc đất quốc phòng tại mục 2.1 phần I Phụ lục XVII ban hành kèm theo Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 12/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ; vị trí thực hiện Dự án Doanh trại Đoàn bộ đã được thể hiện trên bản đồ phương án quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 - Tỉnh Quảng Bình.

- Phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện: Các hạng mục thuộc dự án xây dựng Doanh trại Đoàn bộ và các đội sản xuất, Đoàn KTQP 92, Quân khu 4 phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt (mục đích đất quốc

phòng) theo phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Minh Hóa đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 457/QĐ-UBND ngày 06/3/2023 và Phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Tuyên Hóa đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 380/QĐ-UBND ngày 27/02/2023.

b) Không chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 248 Luật Đất đai năm 2024:

Diện tích 12,776 ha rừng đề nghị quyết định chủ trương chuyển MĐSDR là rừng trồng, đảm bảo tuân thủ nguyên tắc không chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác.

c) Thống nhất, đồng bộ với chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại khoản 5 Điều 14 Luật Lâm nghiệp:

Dự án Doanh trại Đoàn bộ và các đội sản xuất, Đoàn KTQP 92, Quân khu 4 đã được Quân khu 4 phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng mặt bằng tại Quyết định số 1588/QĐ-QK ngày 14/6/2024.

Kế hoạch sử dụng đất thực hiện Dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 31/01/2024 kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Tuyên Hóa và Quyết định số 983/QĐ-UBND ngày 19/4/2024 kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Minh Hóa.

Hiện nay, Chủ đầu tư đang thực hiện các thủ tục trình cấp có thẩm quyền quyết định chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất để thực hiện dự án theo quy định của Luật Đất đai; đồng thời thực hiện các thủ tục về chuyển MĐSDR để thực hiện dự án theo quy định của Luật Lâm nghiệp.

Như vậy, việc chuyển MĐSDR 12,776 ha đảm bảo nằm trong chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất; thống nhất, đồng bộ với chuyển mục đích sử dụng đất theo kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4.2. Về căn cứ chuyển MĐSDR theo quy định tại Điều 15 Luật Lâm nghiệp

a) Về kế hoạch chuyển MĐSDR của UBND cấp huyện được UBND cấp tỉnh phê duyệt hoặc kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Luật Lâm nghiệp (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 248 Luật Đất đai năm 2024):

- Các hạng mục thuộc dự án xây dựng Doanh trại Đoàn bộ và các đội sản xuất, Đoàn KTQP 92, Quân khu 4 trên địa bàn huyện Tuyên Hóa đã có trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Tuyên Hóa đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 31/01/2024. Cụ thể công trình: Vị trí đóng quân của đội sản xuất số 4 thuộc Đoàn KTQP 92, Quân khu 4 (tại mục 1.1.1.3 Phụ lục 5) với diện tích 3,0 ha;

- Các hạng mục thuộc dự án xây dựng Doanh trại Đoàn bộ và các đội sản xuất, Đoàn KTQP 92, Quân khu 4 trên địa bàn huyện Minh Hóa đã có trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Minh Hóa đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 983/QĐ-UBND ngày 19/4/2024. Cụ thể các công trình:

+ Đoàn bộ, trạm xá dân quân y kết hợp thuộc Đoàn KTQP Tuyên Minh (tại mục 1.1.1.3 Phụ lục 5) với diện tích 11,00 ha;

+ Đội sản xuất số 1 Đoàn KTQP Tuyên Minh (mục 1.1.1.4) với diện tích 3,0 ha;

+ Đội sản xuất số 2 Đoàn KTQP Tuyên Minh (mục 1.1.1.5) với diện tích 3,0 ha;

+ Đội sản xuất số 3 Đoàn KTQP Tuyên Minh (mục 1.1.1.6) với diện tích 3,0 ha.

b) *Về nhu cầu chuyển MĐSDR*: Dự án đã được xác định rõ nhu cầu diện tích có rừng cần chuyển MĐSDR trong phạm vi thực hiện dự án. Cụ thể nhu cầu CMĐSDR để thực hiện Dự án là 12,776 ha rừng trồng/21,7605 ha đất thực hiện dự án.

5. Hồ sơ trình quyết định chủ trương chuyển CMĐSDR

Hồ sơ trình quyết định chủ trương chuyển MĐSDR để thực hiện dự án Doanh trại Đoàn bộ và các đội sản xuất, Đoàn KTQP 92, Quân khu 4 đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 21 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP, gồm:

- Văn bản đề nghị quyết định chủ trương CMĐSDR: Tờ trình số 2259/TTr-QK ngày 13/8/2024 của Quân khu 4.

- Bản sao các văn bản phê duyệt dự án đầu tư: Quyết định số 465/QĐ-BQP ngày 01/02/2024 của Bộ Quốc phòng phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Doanh trại Đoàn bộ và các đội sản xuất, Đoàn KTQP 92, Quân khu 4.

- Tài liệu về đánh giá tác động môi trường của Dự án: Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Doanh trại Đoàn bộ và các đội sản xuất, Đoàn KTQP 92, Quân khu 4.

- Báo cáo thuyết minh hiện trạng rừng và bản đồ hiện trạng rừng (tỷ lệ bản đồ 1/5.000) khu vực đề nghị CMĐSDR để thực hiện dự án Doanh trại Đoàn bộ và các đội sản xuất, Đoàn KTQP 92, Quân khu 4.

- Văn bản cam kết thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế đối với diện tích đề nghị CMĐSDR: Công văn số 2260/QK-HC ngày 13/8/2024 của Quân khu 4.

Báo cáo số 2777/BC-SNN ngày 08/10/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về kết quả thẩm định nội dung trình quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án Doanh trại Đoàn bộ và các đội sản xuất, Đoàn KTQP 92, Quân khu 4 (Có các hồ sơ, văn bản liên quan gửi kèm Báo cáo này).

UBND tỉnh đánh giá hồ sơ dự án đủ căn cứ, điều kiện để trình HĐND tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước HĐND tỉnh và pháp luật về nội dung trình nêu trên./

Phụ lục 08

Nội dung trình quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện công trình Xây dựng đường dây 110kV, thuộc dự án Thủy điện La Trọng

(Kèm theo Tờ trình số ~~1872~~ /TTr-UBND ngày ~~10~~ /10/2024 của UBND tỉnh)

1. Thông tin chung về dự án

- Tên dự án: Xây dựng đường dây 110kV, thuộc dự án Thủy điện La Trọng.
- Cơ quan cấp giấy chứng nhận đầu tư: Ủy ban nhân dân tỉnh; Sở Kế hoạch và Đầu tư.
- Cơ quan chấp thuận điều chỉnh văn bản chứng nhận đầu tư: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình.
- Đơn vị phê duyệt dự án đầu tư: Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Thịnh.
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Thịnh.
- Địa điểm dự án: Tại các xã Hồng Hóa, Hóa Phúc, Hóa Thanh, Hóa Tiến, Trọng Hóa, huyện Minh Hóa; xã Lê Hóa và thị trấn Đồng Lê, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình.
- Nguồn vốn: Vốn tự có của nhà đầu tư và huy động.
- Quy mô đầu tư: Chiều dài tuyến: 31.656m. Điểm đầu: Thanh cái 110kV TBA nâng Thủy điện La Trọng (xã Trọng Hóa); điểm cuối: Thanh cái 110kV TBA 110kV Tuyên Hóa (thị trấn Đồng Lê). Cấp điện áp: 110kV. Số mạch: 01 mạch. Số vị trí cột: 115.

2. Sự cần thiết đầu tư dự án

Công trình truyền tải điện từ nhà máy Thủy điện La Trọng đến TBA 110kV Tuyên Hóa, đầu nối vào hệ thống điện Quốc gia, nhằm tăng cường nguồn công suất để đảm bảo nhu cầu điện ngày càng tăng cao của các phụ tải khu vực các huyện miền núi phía Bắc tỉnh Quảng Bình bao gồm huyện Tuyên Hóa, Minh Hóa và khu vực cửa khẩu Quốc tế Cha Lo, đảm bảo nâng cao độ tin cậy cung cấp điện, nâng cao chất lượng điện năng làm tiền đề thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh năng lượng khu vực.

3. Diện tích và vị trí khu rừng đề nghị quyết định chủ trương chuyển MĐSDR

- Vị trí: Tại 120 lô, thuộc 28 khoảnh, 16 tiểu khu, trên địa giới hành chính các xã Hồng Hóa, Hóa Phúc, Hóa Thanh, Hóa Tiến, Trọng Hóa, huyện Minh Hóa; xã Lê Hóa và thị trấn Đồng Lê, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình.

- Diện tích thực hiện công trình là 1,04025 ha. Trong đó:

+ Diện tích có rừng đề nghị quyết định chủ trương chuyển MĐSDR: 0,77727 ha. ✓

- + Diện tích có rừng không thuộc đối tượng chuyển MĐSDR: 0,03173 ha;
- + Diện tích chưa có rừng: 0,23125 ha.
- Nguồn gốc hình thành: Rừng trồng, loài cây Keo.
- Loại rừng: Rừng sản xuất 0,45414 ha; rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng có nguồn gốc rừng sản xuất 0,32313 ha.

4. Về đáp ứng nguyên tắc, căn cứ chuyển MĐSDR theo quy định tại Điều 14, Điều 15 Luật Lâm nghiệp

4.1. Về nguyên tắc chuyển MĐSDR theo quy định tại Điều 14 Luật Lâm nghiệp

a) Sự phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp quốc gia hoặc quy hoạch tỉnh hoặc quy hoạch sử dụng đất cấp huyện theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 248 Luật Đất đai:

- Phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp quốc gia hoặc quy hoạch tỉnh: Dự án phù hợp với Quy hoạch tỉnh Quảng Bình thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 12/4/2023 (Quy hoạch tỉnh Quảng Bình); cụ thể:

+ Công trình phù hợp phương án phát triển hệ thống điện (mạng lưới cấp điện) trong Quy hoạch tỉnh Quảng Bình (tại điểm 5 Mục III, Điều 1, Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 12/4/2023): “*Phát triển nguồn điện gắn với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, phù hợp với quy hoạch điện lực quốc gia. Tiếp tục xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo các trạm biến áp và đường dây điện 500 kV, 220 kV và 110 kV, các đường dây trung thế, hạ thế kết nối với các nguồn điện mới đáp ứng nhu cầu phụ tải tăng, đặc biệt là tại các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp; dần xóa bỏ các trạm biến áp trung gian, thay thế bằng các trạm 110 kV hoặc các xuất tuyến trung áp mới; từng bước ngầm hóa mạng lưới điện trung và hạ thế hiện có; đảm bảo đạt và duy trì tiêu chí điện theo bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới; đảm bảo cấp điện an toàn, ổn định cho các vùng sâu, vùng xa.*”.

+ Đây là công trình nằm trong Quy hoạch phát triển thủy điện vừa và nhỏ tỉnh Quảng Bình đến năm 2020 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1448/QĐ-UBND ngày 19/6/2009 và điều chỉnh tại Quyết định 1055/QĐ-UBND ngày 11/05/2011; được Bộ Công Thương phê duyệt trong Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035 và tích hợp vào Quy hoạch tỉnh Quảng Bình.

+ Hướng tuyến đường dây 110kV từ nhà máy Thủy điện La Trọng đến TBA 110kV Tuyên Hóa, thuộc dự án Thủy điện La Trọng được UBND tỉnh thỏa thuận, thống nhất hướng tuyến tại Công văn số 585/UBND-KT ngày 02/5/2019; Công văn số 636/SCT-KTNL ngày 19/4/2024 của Sở Công Thương về việc thỏa thuận điều chỉnh hướng tuyến đường dây 110kV từ nhà máy Thủy điện La Trọng đấu nối vào hệ thống điện Quốc gia (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công

Thương thỏa thuận điều chỉnh hướng tuyến tại Công văn số 649/UBND-KT ngày 15/4/2024).

- Phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện: Công trình Xây dựng đường dây 110kV, thuộc dự án Thủy điện La Trọng phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 đã được phê duyệt (mục đích đất công trình năng lượng) theo phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Minh Hóa đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 457/QĐ-UBND ngày 06/3/2023 và Phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Tuyên Hóa đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 380/QĐ-UBND ngày 27/02/2023; phê duyệt điều chỉnh vị trí, địa điểm một số trụ tại thị trấn Đồng Lê, huyện Tuyên Hoá trong Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Tuyên Hoá tại Quyết định số 2188/QĐ-UBND ngày 31/7/2024.

b) Không chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 248 Luật Đất đai năm 2024:

Diện tích 0,77727 ha rừng đề nghị quyết định chủ trương chuyển MĐSDR là rừng trồng, đảm bảo tuân thủ nguyên tắc không chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác.

c) Thống nhất, đồng bộ với chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại khoản 5 Điều 14 Luật Lâm nghiệp:

Vị trí công trình Xây dựng đường dây 110kV, thuộc dự án Thủy điện La Trọng đã được thể hiện trên Bản đồ điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Minh Hoá đã được UBND tỉnh ký duyệt kèm theo Quyết định số 457/QĐ-UBND ngày 06/3/2023 và Bản đồ điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Tuyên Hoá đã được UBND tỉnh ký duyệt kèm theo Quyết định số 380/QĐ-UBND ngày 27/02/2023, điều chỉnh vị trí, địa điểm tại Quyết định số 2188/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của UBND tỉnh.

Kế hoạch sử dụng đất thực hiện Công trình Xây dựng đường dây 110kV, thuộc dự án Thủy điện La Trọng đã được UBND tỉnh phê duyệt. Trong đó: Trên địa bàn huyện Minh Hóa đã được phê duyệt tại Quyết định số 983/QĐ-UBND ngày 19/4/2024; trên địa bàn huyện Tuyên Hóa đã được phê duyệt tại Quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 31/01/2024.

Hiện nay, Công ty đang thực hiện các thủ tục trình cấp có thẩm quyền quyết định chuyển mục đích sử dụng đất, cho thuê đất để thực hiện dự án theo quy định của Luật Đất đai; đồng thời thực hiện các thủ tục về chuyển MĐSDR để thực hiện dự án theo quy định của Luật Lâm nghiệp.

Như vậy, việc chuyển MĐSDR 0,77727 ha đảm bảo chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất; thống nhất, đồng bộ với chuyển mục đích sử dụng đất theo kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4.2. Về căn cứ chuyển MĐSDR theo quy định tại Điều 15 Luật Lâm nghiệp ✓

a) Về kế hoạch chuyển MĐSDR của UBND cấp huyện được UBND cấp tỉnh phê duyệt hoặc kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Luật Lâm nghiệp (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 248 Luật Đất đai năm 2024):

Kế hoạch sử dụng đất thực hiện Công trình Xây dựng đường dây 110kV, thuộc dự án Thủy điện La Trọng đã được UBND tỉnh phê duyệt với diện tích 1,25 ha. Trong đó: Trên địa bàn huyện Minh Hóa đã được phê duyệt tại Quyết định số 983/QĐ-UBND ngày 19/4/2024 với diện tích 0,95 ha (mục 2.1.1.3.2 Phụ lục 05); trên địa bàn huyện Tuyên Hóa đã được phê duyệt tại Quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 31/01/2024 (tại mục 2.1.2.6.1 Phụ lục 05), với diện tích 0,3 ha. Đảm bảo nhu cầu sử dụng đất thực tế của công trình 1,04025 ha (tại Minh Hóa 0,79433 ha; tại Tuyên Hóa 0,24592 ha).

b) Về nhu cầu chuyển MĐSDR: Công trình đã được xác định nhu cầu diện tích rừng cần chuyển MĐSDR để thực hiện dự án. Cụ thể, nhu cầu chuyển MĐSDR để thực hiện công trình là 0,77727 ha rừng trồng/1,04025 ha đất thực hiện dự án.

5. Hồ sơ trình quyết định chủ trương CMĐSDR

Hồ sơ trình quyết định chủ trương chuyển MĐSDR để thực hiện công trình Xây dựng đường dây 110kV, thuộc dự án Thủy điện La Trọng đảm bảo quy định tại khoản 2 Điều 41 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 21 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP, gồm:

- Văn bản đề nghị quyết định chủ trương CMĐSDR: Tờ trình số 56/TTr-Cty ngày 14/8/2024 của Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Thịnh.

- Bản sao các văn bản phê duyệt dự án đầu tư:

- + Quyết định 3315/QĐ-UBND ngày 21/11/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc chấp thuận điều chỉnh Văn bản chứng nhận đầu tư Dự án Thủy điện La Trọng.

- + Văn bản số 1265/UB ngày 10/7/2006 của UBND tỉnh về việc đầu tư Dự án Nhà máy Thủy điện La Trọng.

- + Các Giấy chứng nhận đầu tư do UBND tỉnh cấp (số 29131000007 ngày 03/5/2007; số 29131000007 ngày 23/7/2009; số 29131000007 ngày 11/10/2013); các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp (số 3038465313 ngày 21/02/2019; số 3038465313 ngày 16/01/2020; số 3038465313 ngày 09/7/2021).

- + Các Quyết định phê duyệt; phê duyệt điều chỉnh thiết kế BVTC Gói thầu 1.4: Xây dựng Đường dây 110kV, thuộc dự án Thủy điện La Trọng, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình (số 15/QĐ-HĐQT ngày 17/6/2019; số 21/QĐ-HĐQT ngày 12/9/2020; số 16/QĐ-HĐQT ngày 30/11/2021; số 10/QĐ-HĐQT ngày 15/11/2023 của Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Thịnh).

- Tài liệu về đánh giá tác động môi trường của Dự án: Sở Tài nguyên và Môi trường đã có ý kiến thẩm định về cơ sở pháp lý tài liệu đánh giá tác động

môi trường của Dự án tại Công văn số 2870/STNMT-QLMT ngày 17/9/2024: “Công trình Tuyến đường dây 110kV từ Nhà máy Thủy điện La Trọng đầu nối vào Hệ thống điện Quốc gia được UBND tỉnh chấp thuận hướng tuyến tại Công văn số 585/UBND-KT ngày 02/5/2019 và được Tổng Công ty Điện lực miền Trung thỏa thuận đầu nối ngày 05/6/2019 với quy mô cấp điện đầu nối 110kV, điểm đầu TBA Nhà máy Thủy điện La Trọng, điểm cuối TBA 110kV Tuyên Hóa với chiều dài tuyến là 32,1km. Theo hồ sơ của Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Thịnh, công trình đã được chủ đầu tư triển khai thực hiện từ năm 2020. Đối chiếu quy định của pháp luật về Bảo vệ môi trường tại thời điểm chuẩn bị đầu tư Công trình, cụ thể là Luật Bảo vệ Môi trường năm 2014, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Công trình Tuyến đường dây 110kV từ Nhà máy Thủy điện La Trọng đầu nối không thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và Kế hoạch bảo vệ môi trường”.

- Báo cáo thuyết minh hiện trạng rừng và bản đồ hiện trạng rừng (tỷ lệ bản đồ 1/5.000) khu vực đề nghị CMĐSDR để thực hiện công trình Xây dựng đường dây 110kV, thuộc dự án Thủy điện La Trọng.

- Văn bản cam kết thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế đối với diện tích đề nghị CMĐSDR: Công văn số 57/TDĐT ngày 14/8/2024 của Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Thịnh.

Báo cáo số 2675/BC-SNN ngày 27/9/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về kết quả thẩm định nội dung trình quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện công trình Xây dựng đường dây 110kV, thuộc dự án Thủy điện La Trọng (Có các hồ sơ, văn bản liên quan gửi kèm Báo cáo này).

UBND tỉnh đánh giá hồ sơ dự án đủ căn cứ, điều kiện để trình HĐND tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước HĐND tỉnh và pháp luật về nội dung trình nêu trên./.

Phụ lục 09

Nội dung trình quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án Khu đô thị mới Lý Nhân, huyện Bố Trạch
(Kèm theo Tờ trình số **1872** /TTr-UBND ngày **10** /10/2024 của UBND tỉnh)

1. Thông tin chung về dự án

- Tên dự án: Khu đô thị mới Lý Nhân, huyện Bố Trạch.
- Cấp Quyết định chủ trương đầu tư dự án: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Tập đoàn Vĩnh Hưng.
- Nguồn vốn đầu tư: Vốn góp của nhà đầu tư và vốn huy động.
- Địa điểm xây dựng: Xã Đại Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.
- Quy mô đầu tư: Đầu tư đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, nhà ở và các công trình khác theo Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 được UBND tỉnh Quảng Bình phê duyệt tại các Quyết định số 1496/QĐ-UBND ngày 07/6/2022, số 1497/QĐ-UBND ngày 07/6/2022.
- Tiến độ thực hiện dự án: Không quá 06 năm kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư hoặc quyết định chấp thuận nhà đầu tư, dự kiến từ: năm 2023 đến năm 2028.

2. Sự cần thiết đầu tư dự án

Để hiện thực hóa Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500, chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở đã được UBND tỉnh phê duyệt; hình thành khu đô thị mới; phục vụ đời sống, sinh hoạt của người dân trong khu vực; từng bước nâng cấp đô thị; huy động được nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước của các nhà đầu tư, doanh nghiệp để thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, đầu tư kết cấu hạ tầng thì việc đầu tư thực hiện dự án là cần thiết.

3. Diện tích và vị trí khu rừng đề nghị quyết định chủ trương chuyển MĐSDR

- Vị trí: Tại 34 lô (gồm 13 lô rừng đề nghị chuyển MĐSDR và 21 lô chưa có rừng và đất khác) thuộc khoảnh 1 - Tiểu khu 242A, xã Đại Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.
- Diện tích: Tổng diện tích dự án là 38,46561 ha. Trong đó:
 - + Diện tích có rừng đề nghị quyết định chuyển MĐSDR: 5,11495 ha.
 - + Diện tích rừng không thuộc đối tượng chuyển MĐSDR (thuộc đất khác): 1,6121 ha.
 - + Diện tích chưa có rừng: 31,73856 ha.
- Nguồn gốc hình thành: Rừng trồng, loài cây Phi lao.
- Loại rừng: Rừng sản xuất 0,33757 ha; rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng có nguồn gốc rừng sản xuất 4,77738 ha. ✓

4. Về đáp ứng nguyên tắc, căn cứ chuyển MĐSDR theo quy định tại Điều 14, Điều 15 Luật Lâm nghiệp

4.1. Về nguyên tắc chuyển MĐSDR theo quy định tại Điều 14 Luật Lâm nghiệp

a) Sự phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp quốc gia hoặc quy hoạch tỉnh hoặc quy hoạch sử dụng đất cấp huyện theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 248 Luật Đất đai:

- Phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp quốc gia hoặc quy hoạch tỉnh: Dự án phù hợp với Quy hoạch tỉnh Quảng Bình thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 12/4/2023 (Quy hoạch tỉnh Quảng Bình); cụ thể:

+ Dự án phù hợp với Phương án tổ chức hệ thống đô thị, nông thôn trong Quy hoạch tỉnh Quảng Bình (điểm a, khoản 2, mục IV, điều 1 Quyết định số 377/QĐ-TTg): Định hướng phát triển không gian đô thị đến năm 2030 dự kiến có đô thị Hoàn Lão mở rộng (đô thị loại IV); vị trí dự án phù hợp với Bản đồ phương án quy hoạch hệ thống đô thị nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 - Tỉnh Quảng Bình.

+ Chỉ tiêu sử dụng đất thực hiện dự án thuộc ở nông thôn được cập nhật trong Quy hoạch tỉnh Quảng Bình, tại mục tại mục 2.10 phần I Phụ lục XVII ban hành kèm theo Quyết định số 377/QĐ-TTg; vị trí thực hiện dự án đã được thể hiện trên bản đồ phương án quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 - Tỉnh Quảng Bình.

- Phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện: Dự án có chỉ tiêu sử dụng đất ở nông thôn, phù hợp Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 trên địa bàn huyện Bố Trạch đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 437/QĐ-UBND ngày 13/3/2023 (mục 2.13 phần I Phụ lục 1), với diện tích là 1.812,89 ha. Chỉ tiêu sử dụng đất ở tại nông thôn của Dự án đã được tích hợp trong Quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt; vị trí thực hiện dự án thuộc phạm vi khu đất quy hoạch đất ở mới và đất hỗn hợp, đất giao thông được thể hiện trên bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030.

b) Không chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 248 Luật Đất đai năm 2024:

Diện tích 5,11495 ha rừng đề nghị quyết định chủ trương chuyển MĐSDR là rừng trồng, đảm bảo tuân thủ nguyên tắc không chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác.

c) Thống nhất, đồng bộ với chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại khoản 5 Điều 14 Luật Lâm nghiệp:

Kế hoạch sử dụng đất của dự án Khu đô thị mới Lý Nhân, huyện Bố Trạch đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 2/

19/01/2024 về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện huyện Bồ Trách.

Hiện nay, Chủ đầu tư đang thực hiện các thủ tục trình cấp có thẩm quyền quyết định chuyển mục đích sử dụng đất, cho thuê đất để thực hiện dự án theo quy định của Luật Đất đai; đồng thời thực hiện các thủ tục về chuyển MĐSDR để thực hiện dự án theo quy định của Luật Lâm nghiệp.

Như vậy, việc chuyển MĐSDR 5,11495 ha đảm bảo chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất; thống nhất, đồng bộ với chuyển mục đích sử dụng đất theo kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4.2. Về căn cứ chuyển MĐSDR theo quy định tại Điều 15 Luật Lâm nghiệp

a) Về kế hoạch chuyển MĐSDR của UBND cấp huyện được UBND cấp tỉnh phê duyệt hoặc kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Luật Lâm nghiệp (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 248 Luật Đất đai năm 2024):

Kế hoạch sử dụng đất của dự án Khu đô thị mới Lý Nhân, huyện Bồ Trách đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 19/01/2024 về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Bồ Trách (tại mục 2.1.4.3 Phụ lục 05), với diện tích 38,75 ha; đảm bảo nhu cầu sử dụng đất thực tế của dự án (38,46561 ha).

b) Về nhu cầu chuyển MĐSDR: Dự án đã xác định nhu cầu diện tích rừng cần chuyển MĐSDR để thực hiện dự án. Cụ thể nhu cầu chuyển MĐSDR là 5,11495 ha rừng trồng/38,46561 ha đất thực hiện dự án.

5. Hồ sơ trình quyết định chủ trương chuyển MĐSDR

Hồ sơ trình quyết định chủ trương chuyển MĐSDR để thực hiện dự án Khu đô thị mới Lý Nhân, huyện Bồ Trách đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 21 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP, gồm:

- Văn bản đề nghị quyết định chủ trương CMĐSDR: Tờ trình số 14/TTr-VH ngày 01/8/2024 của Công ty TNHH Tập đoàn Vĩnh Hưng;
- Bản sao các văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư dự án:
 - + Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 19/01/2023 của UBND tỉnh về việc Chấp thuận chủ trương đầu tư;
 - + Quyết định số 1639/QĐ-UBND ngày 13/6/2024 của UBND tỉnh về việc Chấp thuận nhà đầu tư (Cấp lần đầu ngày 13 tháng 6 năm 2024).
- Tài liệu về đánh giá tác động môi trường của Dự án: Bản sao Quyết định số 2744/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khu đô thị mới Lý Nhân, kèm theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án.

- Báo cáo thuyết minh hiện trạng rừng và bản đồ hiện trạng rừng (tỷ lệ bản đồ 1/5.000) khu vực đề nghị CMĐSDR để thực hiện dự án Khu đô thị mới Lý Nhân, huyện Bồ Trạch.

- Văn bản cam kết thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế đối với diện tích đề nghị CMĐSDR: Công văn số 16/CV-VH ngày 01/8/2024 của Công ty TNHH Tập đoàn Vĩnh Hưng.

Báo cáo số 2753/BC-SNN ngày 04/10/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về kết quả thẩm định nội dung trình quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án dự án Khu đô thị mới Lý Nhân, huyện Bồ Trạch *(Có các hồ sơ, văn bản liên quan gửi kèm Báo cáo này)*.

Ủy ban nhân dân tỉnh đánh giá hồ sơ dự án đủ căn cứ, điều kiện để trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân tỉnh và pháp luật về nội dung trình nêu trên./.

Phụ lục 10

Nội dung trình quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án Trang trại trồng tre lục trúc lấy măng
(Kèm theo Tờ trình số **1872** /TTr-UBND ngày **10** /10/2024 của UBND tỉnh)

1. Thông tin chung về dự án

- Tên dự án: Trang trại trồng tre lục trúc lấy măng.
- Cấp Quyết định chủ trương đầu tư dự án: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình.
- Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Xây dựng Đức Thành.
- Nguồn vốn đầu tư: Vốn góp của nhà đầu tư và vốn huy động.
- Địa điểm xây dựng: Tại các xã Lý Trạch, Nam Trạch, huyện Bố Trạch.
- Quy mô đầu tư: Các hạng mục đầu tư: Nhà xưởng khai thác, chế biến; nhà nghỉ, lán trại cho người lao động; kho và nhà để chứa nông sản, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, máy móc, công cụ và các công trình phụ trợ phục vụ cho sản xuất nông nghiệp; khu vực trồng măng; đường nội bộ, sân bãi. Sản phẩm, dịch vụ: Măng tươi, các sản phẩm chế biến từ măng có giá trị gia tăng cao.
- Tiến độ thực hiện dự án: Hoàn thành đưa vào hoạt động trong vòng 24 tháng kể từ ngày có Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư.

2. Sự cần thiết đầu tư dự án

Việc đầu tư trang trại trồng tre lục trúc lấy măng nhằm cải tạo vùng đất nông nghiệp giá trị kinh tế thấp thành khu trồng trọt chế biến cho giá trị kinh tế cao, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tạo thu nhập cho doanh nghiệp, tăng thu ngân sách cho địa phương là cần thiết.

3. Diện tích và vị trí khu rừng đề nghị quyết định chủ trương chuyển MĐSDR

- Vị trí: Tại 30 lô (gồm 07 lô rừng đề nghị chuyển MĐSDR và 21 lô rừng không đề nghị chuyển MĐSDR), thuộc khoảnh 1 - Tiểu khu 261B, xã Lý Trạch; khoảnh 1 - Tiểu khu 261A, xã Nam Trạch, huyện Bố Trạch.
- Diện tích: Tổng diện tích dự án là 25,89090 ha. Trong đó:
 - + Diện tích có rừng đề nghị quyết định chủ trương chuyển MĐSDR: 4,31947 ha (đất xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất).
 - + Diện tích có rừng không đề nghị chuyển MĐSDR: 21,57143 ha (đất bố trí các khu vực trồng tre lục trúc).
- Nguồn gốc hình thành: Rừng trồng, loài cây Cao su.
- Loại rừng đề nghị CMĐSDR: Rừng sản xuất 4,24301 ha; rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng có nguồn gốc rừng sản xuất 0,07646 ha. ✓

4. Về đáp ứng nguyên tắc, căn cứ chuyển MĐSDR theo quy định tại Điều 14, Điều 15 Luật Lâm nghiệp

4.1. Về nguyên tắc chuyển MĐSDR theo quy định tại Điều 14 Luật Lâm nghiệp

a) Sự phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp quốc gia hoặc quy hoạch tỉnh hoặc quy hoạch sử dụng đất cấp huyện theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 248 Luật Đất đai:

- Phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp quốc gia hoặc quy hoạch tỉnh: Dự án phù hợp với Quy hoạch tỉnh Quảng Bình thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 12/4/2023 (Quy hoạch tỉnh Quảng Bình); cụ thể:

+ Vị trí thực hiện dự án thuộc khu đất nông nghiệp khác được thể hiện trên Bản đồ phương án quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 - Tỉnh Quảng Bình đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 377/QĐ-TTg.

+ Chỉ tiêu sử dụng đất thực hiện Dự án thuộc đất nông nghiệp khác được cập nhật tại mục điểm 2.2.7 mục II.7 Bảng 75 “Nhu cầu sử dụng đất theo ngành, lĩnh vực trong kỳ quy hoạch sử dụng đất 10 năm (2021 - 2030) của tỉnh Quảng Bình” của Báo cáo quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 377/QĐ-TTg.

- Phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện: Quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp khác đến năm 2030 trên địa bàn huyện Bố Trạch đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 437/QĐ-UBND ngày 03/03/2023 (mục 2.9 phần I Phụ lục 1), với diện tích là 1.865,54 ha. Trong đó, chỉ tiêu sử dụng đất nông nghiệp khác của Dự án đã được tích hợp trong Quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt; vị trí thực hiện dự án thuộc phạm vi khu đất quy hoạch đất nông nghiệp khác được thể hiện trên bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Bố Trạch.

b) Không chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 248 Luật Đất đai năm 2024:

Diện tích 4,31947 ha rừng đề nghị quyết định chủ trương chuyển MĐSDR là rừng trồng, đảm bảo tuân thủ nguyên tắc không chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác.

c) Thống nhất, đồng bộ với chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại khoản 5 Điều 14 Luật Lâm nghiệp:

Tổng diện tích thực hiện dự án là 25,8909 ha. Trong đó, có 20,1035 ha đã được UBND tỉnh thu hồi đất và cho Công ty thuê để sử dụng vào mục đích đất nông nghiệp khác tại Quyết định số 2234/QĐ-UBND ngày 10/8/2023. Phần diện tích 4,8874 ha còn lại đã được UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Bố Trạch tại Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 19/01/2024. ✓

Hiện nay, Chủ đầu tư đang thực hiện các thủ tục trình cấp có thẩm quyền quyết định chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất để thực hiện dự án theo quy định của Luật Đất đai; đồng thời thực hiện các thủ tục về chuyển MĐSDR để thực hiện dự án theo quy định của Luật Lâm nghiệp.

Như vậy, việc CMĐSDR 4,31947 ha đảm bảo nằm trong chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất; thống nhất, đồng bộ với chuyển mục đích sử dụng đất theo kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4.2. Về căn cứ chuyển MĐSDR theo quy định tại Điều 15 Luật Lâm nghiệp

a) Về kế hoạch chuyển MĐSDR của UBND cấp huyện được UBND cấp tỉnh phê duyệt hoặc kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Luật Lâm nghiệp (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 248 Luật Đất đai năm 2024):

Kế hoạch sử dụng đất của Dự án: Tổng diện tích thực hiện dự án là 25,8909ha. Trong đó có 20,1035 ha đã được UBND tỉnh thu hồi đất và cho Công ty thuê để thực hiện dự án tại Quyết định số 2234/QĐ-UBND ngày 10/8/2023; phần diện tích 4,8874 ha còn lại đã được UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Bồ Trách tại Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 19/01/2024 (tại mục 2.2.2.8 Phụ lục 05).

b) Về nhu cầu chuyển MĐSDR: Dự án đã xác định nhu cầu diện tích rừng cần chuyển MĐSDR để thực hiện dự án. Cụ thể nhu cầu chuyển MĐSDR là 4,31947 ha rừng trồng/25,8909 ha đất thực hiện dự án.

5. Hồ sơ trình quyết định chủ trương chuyển MĐSDR

Hồ sơ trình quyết định chủ trương chuyển MĐSDR để thực hiện dự án Trang trại trồng tre lục trúc lấy măng đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 21 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP, gồm:

- Văn bản đề nghị quyết định chủ trương chuyển MĐSDR: Tờ trình số 77/TTr-Cty ngày 02/8/2024 của Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Xây dựng Đức Thành.

- Bản sao các văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư dự án:

- + Quyết định số 3260/QĐ-UBND ngày 23/11/2022 của UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư (cấp lần đầu ngày 23 tháng 11 năm 2022).

- + Quyết định số 3537/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của UBND tỉnh chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (điều chỉnh lần thứ nhất ngày 11 tháng 12 năm 2023).

- Tài liệu về đánh giá tác động môi trường của Dự án: Giấy phép môi trường số 2822/GP-UBND ngày 04/10/2024 của UBND tỉnh. ✓

- Báo cáo thuyết minh hiện trạng rừng và bản đồ hiện trạng rừng (tỷ lệ bản đồ 1/5.000) khu vực đề nghị chuyển MĐSDR để thực hiện dự án Trang trại trồng tre lục trúc lấy măng.

- Văn bản cam kết thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế đối với diện tích đề nghị chuyển MĐSDR: Công văn số 76/CTy ngày 02/8/2024 của Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Xây dựng Đức Thành.

Báo cáo số 2799/BC-SNN ngày 09/10/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về kết quả thẩm định nội dung trình quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án Trang trại trồng tre lục trúc lấy măng. *(Có các hồ sơ, văn bản liên quan gửi kèm Báo cáo này).*

UBND tỉnh đánh giá hồ sơ dự án đủ căn cứ, điều kiện để trình HĐND tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước HĐND tỉnh và pháp luật về nội dung trình nêu trên./.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /NQ-HĐND

Quảng Bình, ngày tháng năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng
sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Quảng Bình**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 18**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

*Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của
Chính phủ quy định thi hành chi tiết một số điều của Luật Lâm nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP
ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số
điều của Luật Lâm nghiệp;*

*Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương
chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Quảng
Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của
các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục
đích khác trên địa bàn tỉnh Quảng Bình để thực hiện 10 công trình, dự án, với
tổng diện tích rừng được chuyển mục đích sử dụng là 89,65855 ha, gồm:
10,71185 ha rừng phòng hộ, 19,28153 ha rừng sản xuất và 59,66517 ha rừng
ngoài quy hoạch 3 loại rừng (theo quy hoạch 3 loại rừng của tỉnh).

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực
hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật; giao Thường trực Hội
đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội

đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVIII, kỳ họp thứ 18 (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày tháng năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban, Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Báo Quảng Bình, Đài PT-TH Quảng Bình,
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Trần Hải Châu

Phụ lục:
DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG SANG MỤC ĐÍCH KHÁC
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình)

TT	Tên công trình/ dự án	Cơ quan/đơn vị đề nghị CMĐSDR	Tổng diện tích thực hiện (ha)	Diện tích rừng đề nghị HĐND tỉnh quyết định chủ trương CMĐSDR (ha)	Loại rừng (ha)				Nguồn gốc hình thành rừng	Diện tích chưa có rừng (ha)	Diện tích rừng không thuộc đối tượng CMĐSDR (ha)	Địa điểm
					Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	Rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng có nguồn gốc rừng phòng hộ	Rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng có nguồn gốc rừng sản xuất				
1	Dự án xây dựng Quảng trường biển, thị xã Ba Đồn	UBND thị xã Ba Đồn	4,66571	3,11617	0,00638		3,10979		Rừng trồng	1,54954		Phường Quảng Thọ, thị xã Ba Đồn
2	Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mở đá vôi làm nguyên liệu xi măng phía Bắc Lèn Đút Chân, xã Văn Hóa, huyện Tuyên Hóa	Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng Việt Nam	49,9	29,92865				0,10692	Rừng tự nhiên	19,97135		Xã Văn Hóa, huyện Tuyên Hóa
3	Dự án khai thác mỏ đá cát kết làm vật liệu xây dựng thông thường và đất làm vật liệu san lấp tại xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh.	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	8,44975	8,44975				8,44975	Rừng trồng			Xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh
4	Dự án đường từ bản Đầu Do đến cột Mốc 561, xã Trường Sơn, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Quảng Bình	20,96551	18,69355	10,48677	8,20678			Rừng tự nhiên	2,27196		Xã Trường Sơn, huyện Quảng Ninh

TT	Tên công trình/ dự án	Cơ quan/đơn vị đề nghị CMBSDR	Tổng diện tích thực hiện (ha)	Diện tích rừng đề nghị UBND tỉnh quyết định chủ trương CMBSDR (ha)	Loại rừng (ha)					Nguồn gốc hình thành rừng	Diện tích chưa có rừng (ha)	Diện tích rừng không thuộc đối tượng CMBSDR (ha)	Địa điểm
					Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	Rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng có nguồn gốc rừng phòng hộ	Rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng có nguồn gốc rừng sản xuất	Rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng				
5	Dự án khu du lịch nghỉ dưỡng và phục hồi chức năng suối nước nóng Bang (Giai đoạn 1)	Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thịnh	11,91140	6,27278		5,75063		0,52215		Rừng trồng	5,63862		Xã Kim Thủy, huyện Lê Thủy
6	Hoàn thiện hạ tầng Cụm công nghiệp Thuận Đức, thành phố Đồng Hới	Sở Công thương	0,20996	0,20996				0,20996		Rừng trồng			Xã Thuận Đức, thành phố Đồng Hới
7	Doanh trại Đoàn bộ và các đội sản xuất, Đoàn KTOP 92, Quân khu 4	Quân khu 4	21,76050	12,77600	0,21870	0,28940	0,56730	11,70060		Rừng trồng		8,98450	Xã Dân Hóa, Hóa Sơn, Thượng Hóa, Trọng Hóa, huyện Minh Hóa và xã Thanh Hóa, huyện Tuyên Hóa
8	Xây dựng đường dây 110kV, thuộc dự án Thủy điện La Trơng	Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thịnh	1,04025	0,77727		0,45414		0,32313		Rừng trồng	0,03173	0,23125	Xã Hồng Hóa, Hóa Phúc, Hóa Thanh, Hóa Tiến, Trọng Hóa, huyện Minh Hóa; xã Lê Hóa và thị trấn Đồng Lê, huyện Tuyên Hóa

TT	Tên công trình/ dự án	Cơ quan/đơn vị đề nghị CMĐSDR	Tổng diện tích thực hiện (ha)	Diện tích rừng đề nghị HĐND tỉnh quyết định chủ trương CMĐSDR (ha)	Loại rừng (ha)					Nguồn gốc hình thành rừng	Diện tích chưa có rừng (ha)	Diện tích rừng không thuộc đối tượng CMĐSDR (ha)	Địa điểm
					Rừng phòng hộ	Rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng có nguồn gốc rừng phòng hộ	Rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng có nguồn gốc rừng sản xuất	Rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng có nguồn gốc rừng sản xuất	Rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng				
9	Khu đô thị mới Lý Nhân, huyện Bố Trạch	Công ty TNHH Tập đoàn Vĩnh Hưng	38,46561	5,11495		0,33757		4,77738		Rừng trồng	1,61210	31,73856	Xã Đại Trạch, huyện Bố Trạch
10	Trang trại trồng tre lục trúc lấy măng	Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Xây dựng Đức Thành	25,89090	4,31947		4,24301		0,07646		Rừng trồng	21,57143		Xã Lý Trạch, Nam Trạch, huyện Bố Trạch.
	Tổng		183,25959	89,65855	10,71185	19,28153	3,67709	26,16635	29,82173		52,64673	40,95431	